

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----



ISO 9001 : 2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

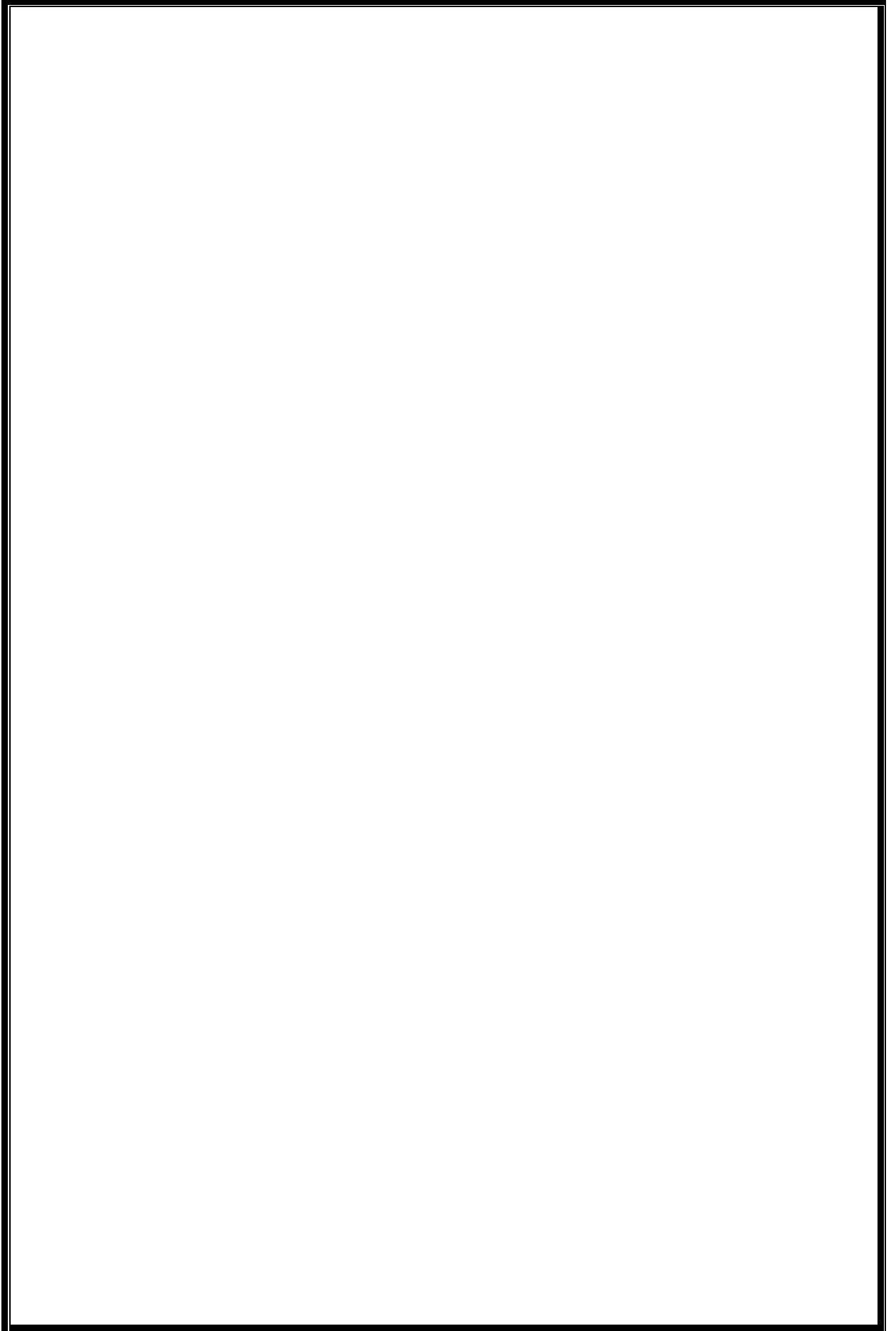
**NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Thị Khánh Linh**

**Giảng viên hướng dẫn : ThS Nguyễn Thị Thúy**

**Hồng**

**HẢI PHÒNG - 2012**



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN  
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ  
KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI  
NGỌC ĐỨC**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Thị Khánh Linh**

**Giảng viên hướng dẫn : ThS Nguyễn Thị**

**Thúy Hồng**

**HẢI PHÒNG - 2012**

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

-----

## NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Thị Khánh Linh

Mã SV: 120587

Lớp: QT1203K

Ngành: Kế toán – Kiểm

toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Ngọc Đức

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI**

**1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ):**

- Nghiên cứu lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Khảo sát và đánh giá thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập.

- Đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập

**2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán:**

**Số liệu năm 2011**

**3. Địa điểm thực tập:**

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NGỌC ĐỨC**

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

## CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

### Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: *Nguyễn Thị Thúy Hồng*

Học hàm, học vị: Thạc sỹ QTKD

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Ngọc Đức

### Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 02 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

*Phạm Thị Khánh Linh*

*Ths. Nguyễn Thị Thúy Hồng*

*Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2012*

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGUYỄN Trần Hữu Nghị**

## NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN

### 1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm tốt nghiệp:

- Tinh thần, thái độ nghiêm túc trong quá trình làm tốt nghiệp,
- Chịu khó, ham học hỏi tiếp thu ý kiến của giáo viên.
- Hoàn thành khoá luận đúng thời gian quy định.

### 2. Đánh giá chất lượng của khoá luận(so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ ĐTTN trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu)

Khoá luận có kết cấu khoa học và hợp lý, được chia thành 3 chương:

- Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ: Tác giả đã thu thập, tổng hợp và khái quát những vấn đề lý luận chung liên quan đến phạm vi nghiên cứu của đề tài một cách rõ ràng, chi tiết và khoa học. Đặc biệt tác giả có tham khảo và nghiên cứu vận dụng theo QĐ 48/2006.

- Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Ngọc Đức: Tác giả trình bày khoa học và hợp lý phần hạch toán giá vốn, doanh thu, chi phí quản lý kinh doanh và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập theo hình thức kế toán Nhật ký chung với số liệu minh họa tháng 10/2011. Số liệu được dẫn dắt từ chứng từ vào đến sổ sách và báo cáo tương đối logic và hợp lý.

- Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Công ty TNHH TM Ngọc Đức: Tác giả đã đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán theo đề tài nghiên cứu. Các ý kiến đưa ra có cơ sở khoa học, hợp lý và được tính toán cụ thể, có sức thuyết phục.

### 3. Cho điểm của giáo viên hướng dẫn (ghi cả bằng số và chữ):

**Bằng số :**

**Bằng chữ:**

*Hải Phòng, ngày 01 tháng 07*

*năm 2012*

**Giáo viên hướng dẫn**

*Ths.Nguyễn Thị Thuý Hồng*

**MUC LUC**

<b><u>LỜI MỞ ĐẦU</u></b> .....	1
<b><u>CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ</u></b> .....	3
<u>1.1. Một số vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ</u> .....	3
<u>1.1.1. Một số khái niệm liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC</u> .....	3
<u>1.1.1.1. Khái niệm về doanh thu và điều kiện ghi nhận doanh thu</u> .....	3
<u>1.1.1.2. Khái niệm về chi phí</u> .....	4
<u>1.1.1.3. Khái niệm kết quả kinh doanh</u> .....	5
<u>1.1.2. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh</u> .....	6
<u>1.1.3. Các phương thức bán hàng và các phương thức thanh toán trong DN</u> .....	7
<u>1.1.3.1 Các phương thức bán hàng</u> .....	7
<u>1.1.3.2. Các phương thức thanh toán</u> .....	8
<u>1.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong Doanh Nghiệp vừa và nhỏ</u> .....	8
<u>1.2.1. Tổ chức kế toán Doanh thu trong Doanh nghiệp vừa và nhỏ</u> .....	8
<u>1.2.1.1. Tổ chức kế toán doanh thu và cung cấp dịch vụ</u> .....	8
<u>1.2.1.2. Tổ chức kế toán các khoản giảm trừ doanh thu theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC</u> .....	11
<u>1.2.1.3. Tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính</u> .....	14
<u>1.2.1.4. Tổ chức kế toán thu nhập khác</u> .....	16
<u>1.2.2. Tổ chức kế toán chi phí trong doanh nghiệp vừa và nhỏ</u> .....	18
<u>1.2.2.1. Tổ chức kế toán giá vốn hàng bán theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC</u> .....	18



## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

<u>1.2.2.2. Tổ chức kế toán chi phí tài chính</u> .....	21
<u>1.2.2.3. Tổ chức kế toán chi phí quản lý kinh doanh theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC</u> .....	23
<u>1.2.2.4. Tổ chức kế toán chi phí khác theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC</u> .....	25
<u>1.2.3. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC</u> .....	27
<u>1.3. Tổ chức luân chuyển chứng từ, sổ sách kế toán trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ</u> ....	29
<b><u>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI NGỌC ĐỨC</u></b> .....	31
<u>2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Thương mại Ngọc Đức</u> .....	31
<u>2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển công ty TNHH TM Ngọc Đức</u> .....	31
<u>2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty TNHH thương mại Ngọc Đức</u> .....	32
<u>2.1.3. Đặc điểm bộ máy kế toán của công ty TNHH thương mại Ngọc Đức</u> .....	34
<u>2.1.4. Tổ chức hệ thống sổ sách và hình thức kế toán áp dụng tại công ty TNHH thương mại Ngọc Đức</u> .....	35
<u>2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Ngọc Đức</u> .....	39
<u>2.2.1. Đặc điểm doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Ngọc Đức</u> .....	39
<u>2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại Ngọc Đức</u> .....	40
<u>2.2.2.1. Thực trạng kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH Thương mại Ngọc Đức</u> .....	40
<u>2.2.2.2. Thực trạng kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH thương mại Ngọc Đức</u> .....	50

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

<u>2.2.2.3</u>	<u>Thực trạng kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty TNHH Thương mại Ngọc Đức.....</u>	<u>59</u>
<u>2.2.2.4</u>	<u>Thực trạng kế toán chi phí tài chính tại công ty TNHH Thương mại Ngọc Đức.....</u>	<u>63</u>
<u>2.2.2.5</u>	<u>Thực trạng kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại Ngọc Đức.....</u>	<u>68</u>
<u>2.2.2.6</u>	<u>Thực trạng Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại Ngọc Đức.....</u>	<u>78</u>
<u>2.2.2.6.1</u>	<u>. Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.....</u>	<u>78</u>
<u>2.2.2.6.2</u>	<u>Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....</u>	<u>78</u>
	<b><u>CHƯƠNG 3: HOÀN THIÊN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI NGỌC ĐỨC</u></b>	<b><u>86</u></b>
<u>3.1</u>	<u>Đánh giá những ưu nhược điểm trong tổ chức công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại Ngọc Đức.....</u>	<u>86</u>
<u>3.1.1</u>	<u>Ưu điểm.....</u>	<u>86</u>
<u>3.1.2</u>	<u>Hạn chế.....</u>	<u>89</u>
<u>3.2</u>	<u>Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại Ngọc Đức.....</u>	<u>90</u>
<u>3.2.1</u>	<u>Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại Ngọc Đức.....</u>	<u>90</u>
<u>3.2.2</u>	<u>Một số ý kiến đề xuất về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Ngọc Đức.....</u>	<u>91</u>
	<b><u>KẾT LUẬN</u></b>	<b><u>108</u></b>
	<b><u>TÀI LIỆU THAM KHẢO</u></b>	<b><u>109</u></b>

## LỜI MỞ ĐẦU

### 1. Sự cần thiết của đề tài

Trong điều kiện kinh tế thị trường phát triển và hội nhập nhiều doanh nghiệp trên cùng một địa bàn cùng kinh doanh những sản phẩm giống nhau nên sự cạnh tranh lẫn nhau ngày càng trở nên khó khăn hơn. Lợi nhuận của doanh nghiệp là kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động đầu tư tài chính và lợi nhuận bất thường khác. Lợi nhuận càng cao thì tình hình tài chính càng ổn định. Vì vậy, vấn đề đặt ra cho các doanh nghiệp là làm sao đạt được lợi nhuận cao nhất trong kinh doanh. Do đó, cuối kỳ kinh doanh doanh nghiệp phải xác định kết quả kinh doanh xem lãi hay lỗ từ đó có biện pháp quản lý doanh nghiệp thích hợp để đạt được lợi nhuận cao nhất trong kinh doanh.

Công ty TNHH Thương mại Ngọc Đức kinh doanh văn phòng phẩm, cùng nhiều lĩnh vực khác cũng không nằm ngoài quy luật ấy. Do đó, nhiệm vụ quan trọng của kế toán là công ty là cần phải xác định đúng lãi, lỗ của hoạt động kinh doanh để giúp các nhà quản trị doanh nghiệp có thể nhanh chóng đưa ra các chiến lược kinh doanh nhằm giúp doanh nghiệp có đủ thông tin để đạt được lợi thế trong kinh doanh, giảm chi phí và đạt được lợi nhuận cao. Nhận thấy tầm quan trọng của công tác kế toán xác định doanh thu và lợi nhuận tại công ty, cùng với sự hướng dẫn tận tình của ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng và các nhân viên phòng kế toán của Công ty TNHH Thương mại Ngọc Đức, em đã lựa chọn khóa luận tốt nghiệp : “ *Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Ngọc Đức*” .

### 2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Hệ thống hóa những vấn đề lí luận về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Làm rõ thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Ngọc Đức.

- Đánh giá thực trạng và đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cho Công ty TNHH Thương mại Ngọc Đức.

### 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Đối tượng nghiên cứu: Lĩnh vực nghiên cứu về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Phạm vi nghiên cứu: toàn bộ số liệu, chứng từ, sổ sách kế toán trong công ty nói chung và nội dung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nói riêng.

### 4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp chung: bao gồm các phương pháp kế toán (phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản, phương pháp tổng hợp cân đối), các phương pháp phân tích kinh doanh (phương pháp so sánh, phương pháp liên hệ), phương pháp nghiên cứu tài liệu để kế thừa thành tựu đã đạt được...

Phương pháp kỹ thuật trình bày: kết hợp giữa mô tả với phân tích, giữa luận giải với bảng biểu sơ đồ.

### 5. Nội dung, kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, nội dung chính của khóa luận gồm 3 chương:

*Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.*

*Chương 2 : Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại Ngọc Đức.*

*Chương 3: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Ngọc Đức.*

Qua đây em cũng xin gửi lời cảm ơn đến GV- THs. Nguyễn Thị Thúy Hồng cùng cô chú cán bộ phòng kế toán công ty TNHH Thương mại Ngọc Đức đã tận tình hướng dẫn em hoàn thành khóa luận này. Tuy nhiên, do phạm vi đề tài rộng, thời gian thực tế chưa nhiều nên bài khóa luận của em khó tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong sự góp ý cũng như sự chỉ bảo thêm của các thầy cô cũng như cô chú trong phòng kế toán của công ty để em có điều kiện bổ sung nâng cao kiến thức của mình, giúp em hoàn thành chuyên đề báo cáo của mình một cách tốt nhất.

*Em xin chân thành cảm ơn!*

**CHƯƠNG 1**  
**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN**  
**DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ**  
**KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ**

**1.1. Một số vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ**

**1.1.1. Một số khái niệm liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC**

**1.1.1.1. Khái niệm về doanh thu và điều kiện ghi nhận doanh thu**

**+** **Doanh thu:** Là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

**+** **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Là toàn bộ số tiền thu được từ việc bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có) trong một kỳ kế toán của hoạt động SXKD.

Theo chuẩn mực số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng BTC:

- *Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn 5 điều kiện sau:*
  - + Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
  - + Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu
  - + Hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
  - + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
  - + Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
  - + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng;
- *Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó.*

✚ **Doanh thu hoạt động tài chính:** Là những khoản doanh thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại, bao gồm: tiền lãi, cổ tức được hưởng, lợi nhuận được chia từ hoạt động liên doanh, liên kết, lãi về chuyển nhượng vốn, chênh lệch tăng tỉ giá ngoại tệ và các khoản khác.

✚ **Thu nhập khác:** Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp như : thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định, thu tiền do khách hàng vi phạm hợp đồng...

✚ **Các khoản giảm trừ doanh thu:** Phản ánh toàn bộ số tiền giảm trừ cho người mua hàng được tính vào doanh thu hoạt động kinh doanh. Các khoản giảm trừ doanh thu được phản ánh trong Tài khoản 521 bao gồm:

- **Chiết khấu thương mại:** Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

- **Giá trị hàng bán bị trả lại:** Là giá trị khối lượng hàng bán xác định là đã bán bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

- **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng bán kém phẩm chất, sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế hoặc lạc hậu thị hiếu.

Ngoài ra các khoản giảm trừ doanh thu còn bao gồm: Thuế xuất khẩu , thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

### 1.1.1.2. Khái niệm về chi phí

✚ **Giá vốn hàng bán:** Là trị giá vốn của hàng hoá, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ.

- Đối với hàng hoá, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ, giá vốn hàng bán là giá thành sản phẩm hay chi phí sản xuất.

- Đối với hàng hoá tiêu thụ, giá vốn hàng bán bao gồm trị giá mua của hàng đã tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ chi phí cho hàng tiêu thụ.

✚ **Chi phí tài chính:** Là những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch chứng khoán..., dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

✚ **Chi phí quản lý kinh doanh:** Phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

- **Chi phí bán hàng:** Là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp.

✚ **Chi phí khác:** Là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra; cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước như: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm hàng hoá.

✚ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** Phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính.

### 1.1.1.3. Khái niệm kết quả kinh doanh

✚ **Xác định kết quả kinh doanh:** Xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- **Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh:** Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán và chi phí quản lý kinh doanh.

- **Kết quả hoạt động tài chính:** Là số chênh lệch giữa doanh thu của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- **Kết quả hoạt động khác:** Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu quan trọng, thông qua chỉ tiêu này sẽ biết được trong kỳ sản xuất kinh doanh đã qua doanh nghiệp lãi hay lỗ tức là kinh doanh hiệu quả hay chưa hiệu quả. Điều này giúp nhà quản lý đưa ra những chính sách phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

### 📌 Công thức xác định lợi nhuận của DN:

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận sau thuế TNDN} &= \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Chi phí thuế TNDN} \\ \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} &= \text{Lợi nhuận HĐ SXKD} + \text{Lợi nhuận HĐTC} + \text{Lợi nhuận khác} \\ \text{Lợi nhuận HĐ SXKD} &= \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu} - \text{Giá vốn hàng bán} - \text{Chi phí bán hàng, QLDN} \\ \text{Lợi nhuận HĐTC} &= \text{Doanh thu HĐTC} - \text{Chi phí tài chính} \\ \text{Lợi nhuận khác} &= \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác} \end{aligned}$$

### 1.1.2. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Để phát huy được vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức ghi chép, theo dõi, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời và giám sát chặt chẽ tình hình các khoản doanh thu và chi phí.
- Lựa chọn phương pháp xác định đúng giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.
- Tham gia kiểm kê, đánh giá, lập báo cáo về tình hình tiêu thụ sản phẩm, kết quả bán hàng và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp.
- Xác định đúng và tập hợp đầy đủ chi phí bán hàng phát sinh trong quá trình bán hàng cũng như chi phí quản lý doanh nghiệp, phân bổ chi phí hợp lý.
- Tính toán phản ánh chính xác đầy đủ kịp thời tổng giá thanh toán của hàng bán ra bao gồm cả doanh thu bán hàng, các khoản giảm trừ doanh thu, thuế GTGT đầu ra của từng nhóm mặt hàng, từng hóa đơn, từng khách hàng, từng đơn vị trực thuộc.



- Ghi chép, theo dõi phản ánh kịp thời từng khoản chi phí, thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

- Lập và báo cáo kết quả kinh doanh đúng chế độ, kịp thời cung cấp các thông tin kinh tế cần thiết cho các bộ phận liên quan, đồng thời định kỳ tiến hành phân tích kinh tế đối với báo cáo kết quả kinh doanh, từ đó tham mưu cho Ban lãnh đạo về các giải pháp để gia tăng lợi nhuận.

### 1.1.3. Các phương thức bán hàng và các phương thức thanh toán trong DN

#### 1.1.3.1 Các phương thức bán hàng

+ **Phương thức bán hàng trực tiếp:** Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại phân xưởng sản xuất (không qua kho) của doanh nghiệp. Sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và đơn vị bán mất quyền sở hữu về số hàng này.

- **Bán buôn:** Là phương thức bán hàng theo lô hoặc bán với số lượng lớn. Giá bán biến động tùy thuộc vào khối lượng hàng bán và phương thức thanh toán. Bán buôn gồm 2 phương thức: bán buôn qua kho và bán buôn vận chuyển thẳng.

+ **Phương thức bán buôn hàng hoá qua kho:** là phương thức mà trong đó hàng bán được xuất ra từ kho của doanh nghiệp.

+ **Phương thức bán buôn hàng hoá vận chuyển thẳng:** là phương thức bán buôn mà sau khi mua hàng doanh nghiệp không nhập kho mà chuyển thẳng cho bên mua.

- **Bán lẻ:** Là phương thức bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng hoặc các tổ chức kinh tế mang tính tiêu dùng. Bán lẻ thường bán đơn chiếc hoặc bán với số lượng nhỏ.

+ **Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng:** Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ.

+ **Phương thức bán hàng qua đại lý:** Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán.

Số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên chủ hàng cho đến khi chính thức tiêu thụ. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

✚ **Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:** Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua, thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ, người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua một phần. Số tiền còn lại người mua sẽ trả dần và phải chịu một tỷ lệ lãi xuất nhất định.

✚ **Phương thức trao đổi hàng:** Là phương thức mà doanh nghiệp mang sản phẩm của mình đi đổi lấy vật tư, hàng hóa không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hóa trên thị trường.

### 1.1.3.2. Các phương thức thanh toán

Việc tiêu thụ hàng hoá nhất thiết được thanh toán với người mua, bởi vì chỉ khi nào doanh nghiệp thu nhận được đầy đủ tiền bán hàng hoặc sự chấp nhận trả tiền của khách hàng thì việc tiêu thụ mới được phép ghi nhận trên sổ sách kế toán. Việc thanh toán với người mua về hàng hoá bán ra được thực hiện bằng: *Phương thức trả ngay bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, trả chậm trả góp*

## 1.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong Doanh Nghiệp vừa và nhỏ

### 1.2.1. Tổ chức kế toán Doanh thu trong Doanh nghiệp vừa và nhỏ

#### 1.2.1.1. Tổ chức kế toán doanh thu và cung cấp dịch vụ

#### ✚ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT (đối với Doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ), hóa đơn bán hàng thông thường (đối với DN tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)
- Phiếu thu, giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan.

#### ✚ Tài khoản sử dụng

TK 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ"

Các TK cấp 2:

TK 5111 - *Doanh thu bán hàng hóa*

TK 5112 - *Doanh thu bán các thành phẩm*

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

TK 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5118 - Doanh thu khác

### ✚ Kết cấu tài khoản

#### Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng”

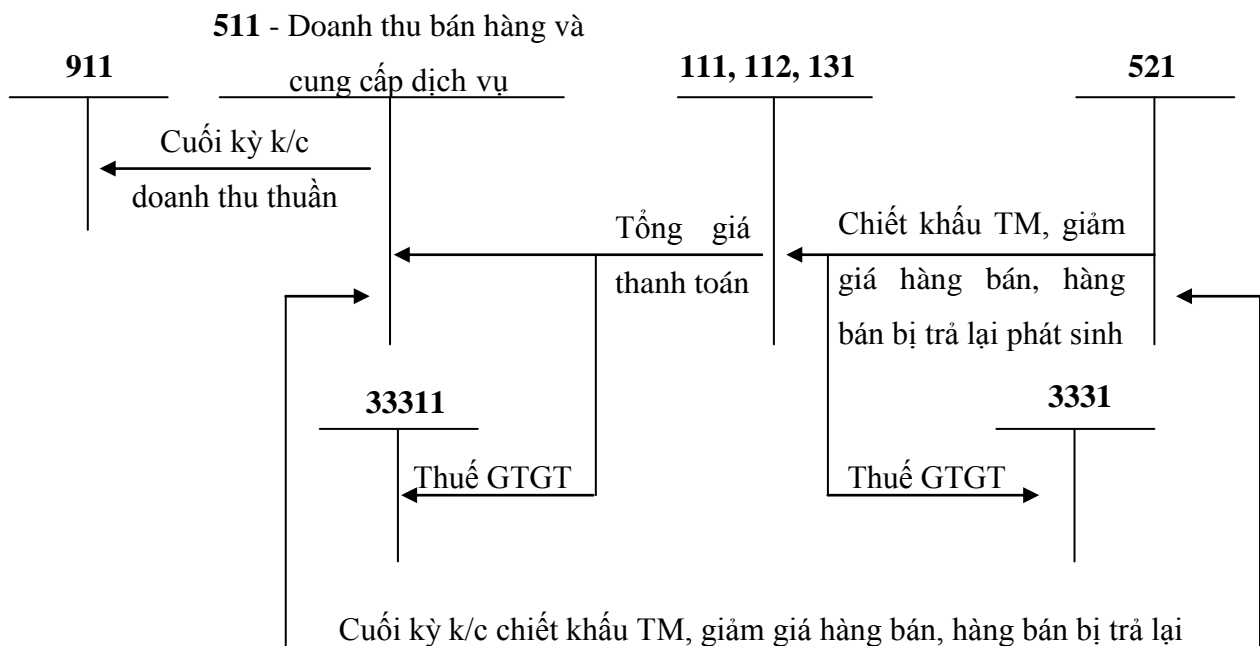
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phản ánh số thuế TTĐB, thuế XK tính trên doanh số bán trong kỳ;</li> <li>- Số giảm giá hàng bán và doanh thu hàng bán bị trả lại được kết chuyển giảm trừ vào doanh thu;</li> <li>- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp đã thực hiện trong kỳ kế toán;</li> </ul>
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

*Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ*

### ✚ Sơ đồ hạch toán:

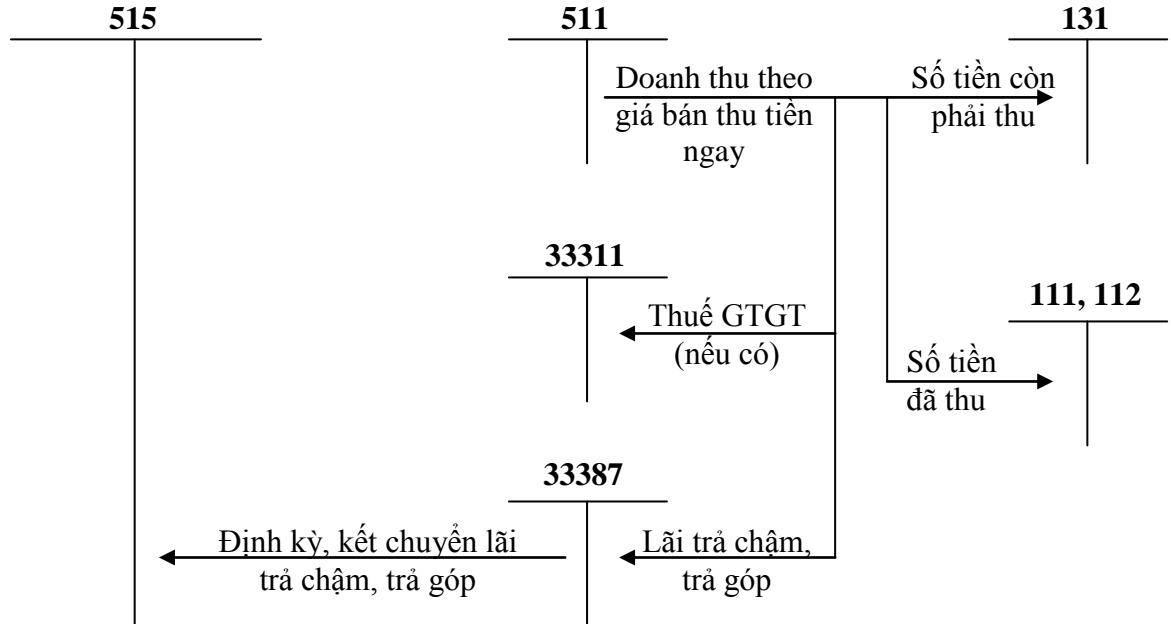
#### Sơ đồ số 1.1

#### Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương pháp trực tiếp *Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC*



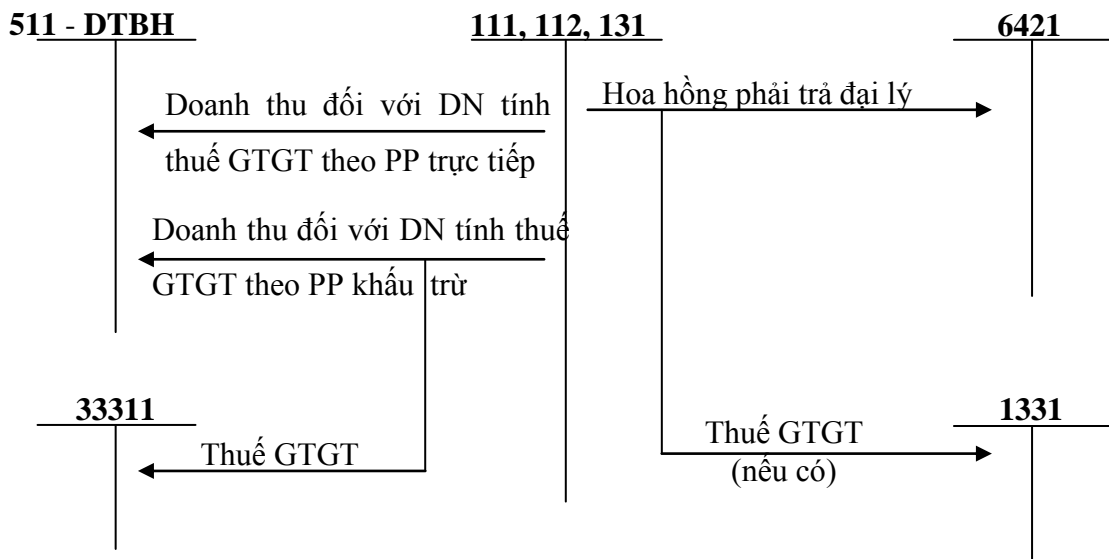
**Sơ đồ số 1.2**

**Kế toán doanh thu bán hàng trả chậm trả góp**  
*Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC*



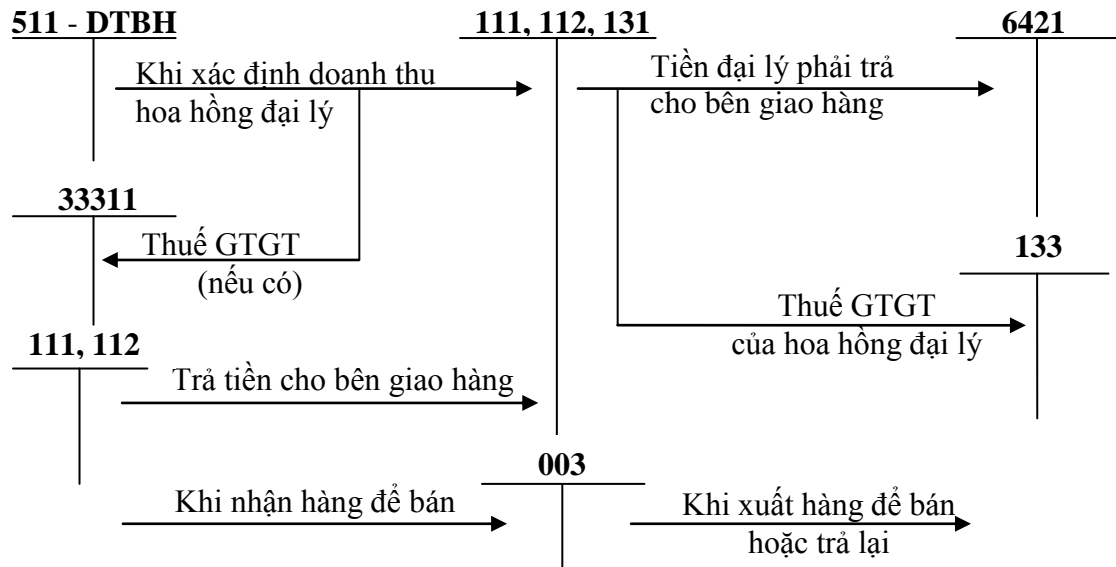
**Sơ đồ số 1.3**

**Kế toán doanh thu bán hàng đại lý**  
**(Phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng)**  
**(Đối với bên giao đại lý)**  
*Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC*



Sơ đồ 1.4:

**Kế toán doanh thu bán hàng  
Theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng  
(Đối với bên nhận đại lý)  
(Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC)**



**1.2.1.2. Tổ chức kế toán các khoản giảm trừ doanh thu theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC**

**✚ Chứng từ kế toán**

- Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho
- Phiếu chi
- Hoá đơn GTGT
- Chứng từ khác có liên quan

**✚ Tài khoản sử dụng:**

TK 521 "Các khoản giảm trừ doanh thu"

Các TK cấp 2:

*Tài khoản 5211 - Chiết khấu thương mại:* Phản ánh số giảm giá cho người mua hàng đối với khối lượng hàng lớn được ghi trên hóa đơn bán hàng hoặc các chứng từ khác liên quan đến bán hàng.

*Tài khoản 5212 - Hàng bán bị trả lại:* Phản ánh trị giá bán của số sản phẩm, hàng hóa đã bán bị khách hàng trả lại.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

*Tài khoản 5213 - Giảm giá hàng bán:* Phản ánh các khoản giảm giá hàng bán so với giá bán ghi trong Hóa đơn GTGT hoặc Hóa đơn bán hàng thông thường phát sinh trong kỳ.

*Ngoài ra các khoản giảm trừ doanh thu còn bao gồm:*

Tài khoản 3331: Thuế GTGT phải nộp

Tài khoản 3332: Thuế tiêu thụ đặc biệt

Tài khoản 3333: Thuế xuất, nhập khẩu

### **Kết cấu tài khoản:**

#### **Tài khoản 521 “ Các khoản giảm trừ doanh thu”**

<ul style="list-style-type: none"><li>- Trị giá hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào nợ phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán ra;</li><li>- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng;</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Kết chuyển toàn bộ các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ sang TK 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" ;</li></ul>
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

*Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ*

#### **Tài khoản 333 “ Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước”**

<ul style="list-style-type: none"><li>- Số thuế GTGT đã được khấu trừ trong kỳ;</li><li>- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp vào Ngân sách Nhà nước;</li><li>- Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp;</li><li>- Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp;</li><li>- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước;</li></ul>
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

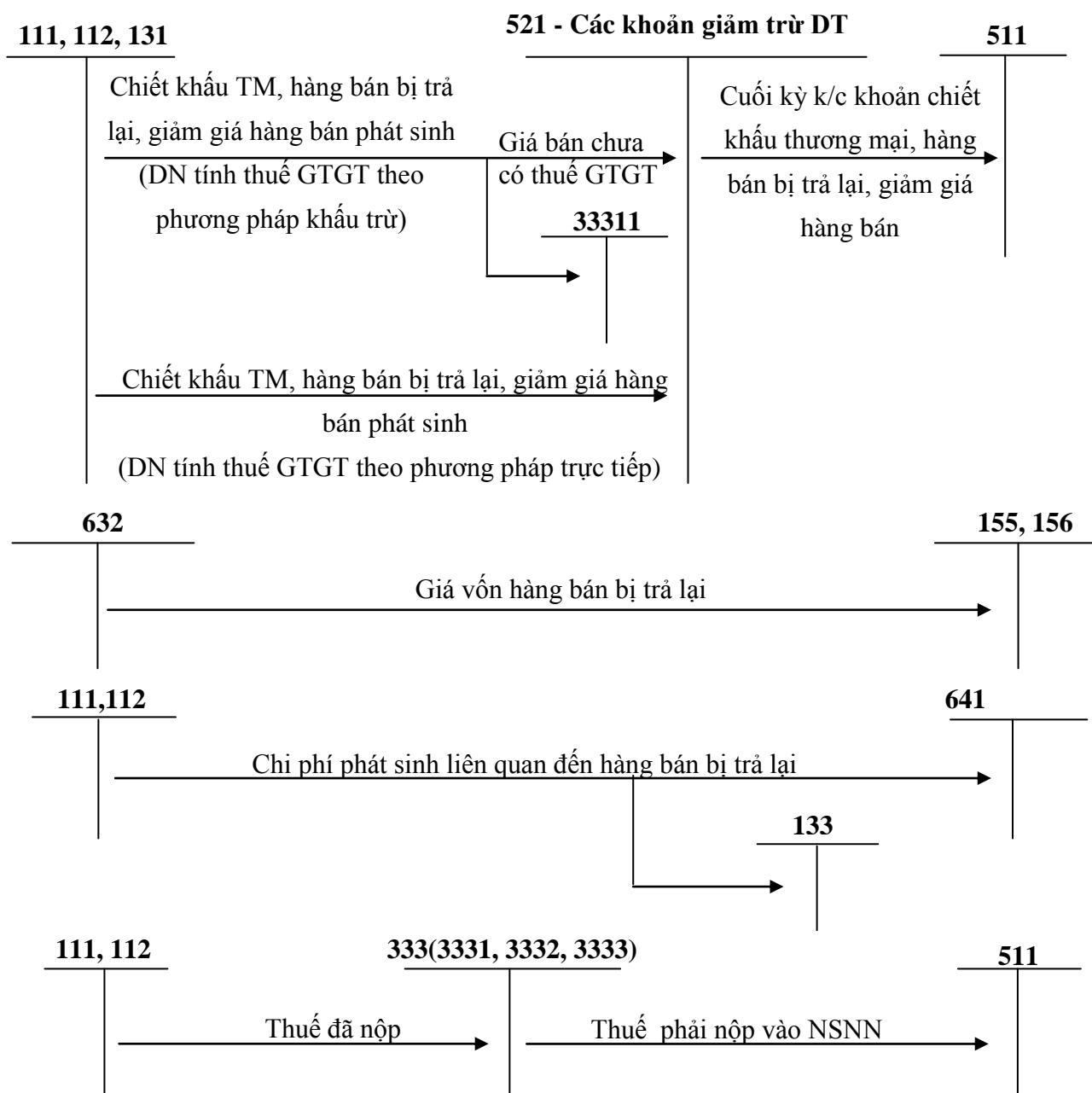
Số dư bên Có TK 333: Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác còn phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

Trong trường hợp cá biệt, Tài khoản 333 có thể có số dư bên Nợ. Số dư Nợ (nếu có) của TK 333 phản ánh số thuế và các khoản đã nộp lớn hơn số thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước, hoặc có thể phản ánh số thuế đã nộp được xét miễn hoặc giảm cho thoái thu nhưng chưa thực hiện việc thoái thu.

### ✚ Sơ đồ hạch toán:

#### Sơ đồ số 1.5

#### Kế toán các khoản làm giảm trừ doanh thu Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC



**1.2.1.3. Tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

**+ Chứng từ sử dụng**

- Phiếu thu
- Phiếu kế toán
- Phiếu báo Có

**+ Tài khoản sử dụng**

TK 515 "Doanh thu hoạt động tài chính"

**+ Kết cấu tài khoản**

**Tài khoản 515 “ Doanh thu hoạt động tài chính”**

<ul style="list-style-type: none"><li>- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);</li><li>- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 - "Xác định kết quả kinh doanh" ;</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tiền lãi;</li><li>- Thu nhập cho thuê tài sản, kinh doanh bất động sản;</li><li>- Chênh lệch về do bán ngoại tệ;</li><li>- Thu nhập về hoạt động đầu tư chứng khoán;</li><li>- Doanh thu hoạt động tài chính;</li><li>- khác phát sinh trong kỳ ;</li></ul>
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

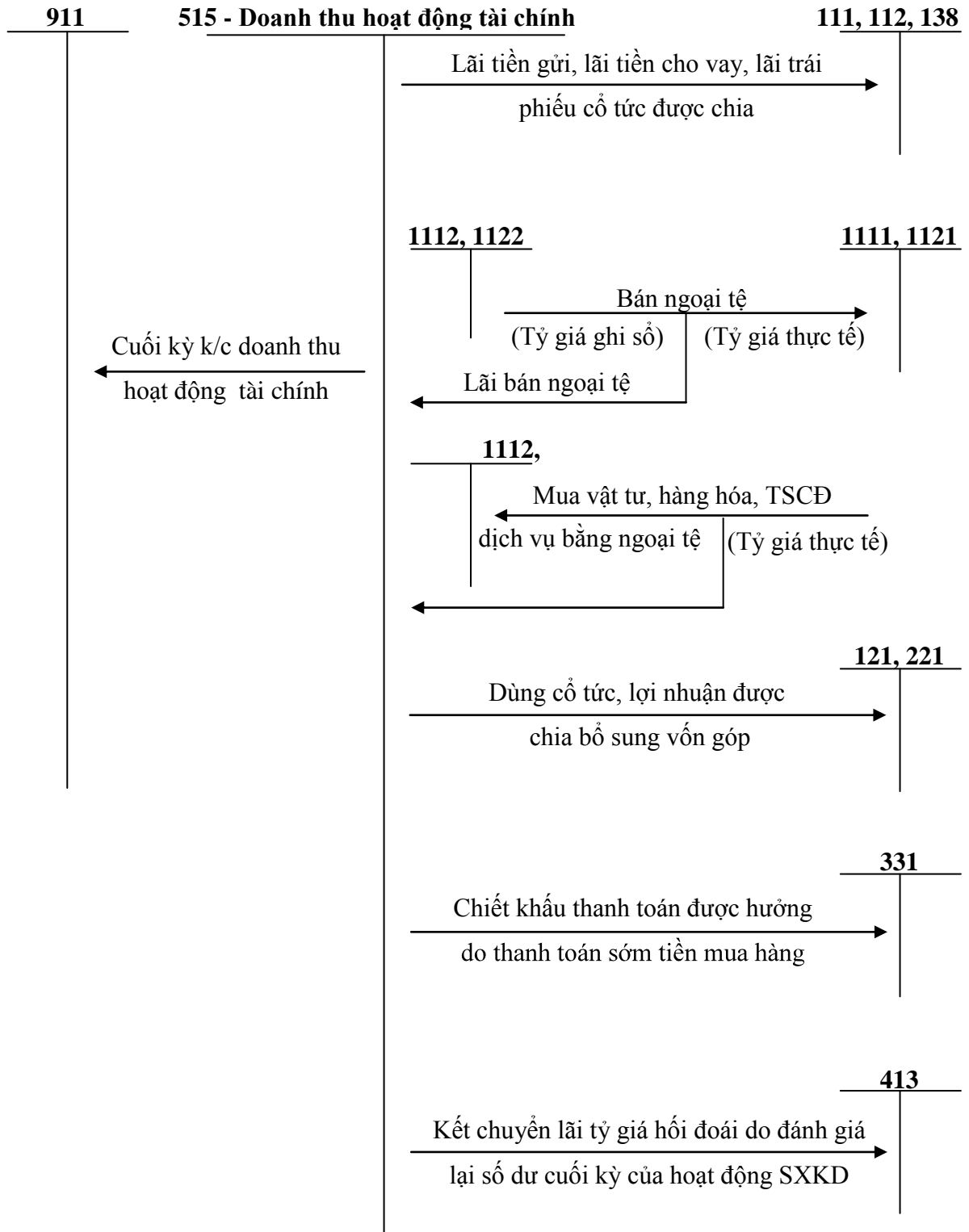
*Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ*



Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ số 1.6

Kế toán doanh thu hoạt động tài chính  
Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC



**1.2.1.4. Tổ chức kế toán thu nhập khác**

**📌 Chứng từ sử dụng**

- Phiếu thu
- Hóa đơn GTGT
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Phiếu kế toán

**📌 Tài khoản sử dụng**

TK 711 "Thu nhập khác"

**📌 Kết cấu tài khoản**

**Tài khoản 711 “ Thu nhập khác”**

<ul style="list-style-type: none"><li>- Thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;</li><li>- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh";</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ;</li><li>- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;</li><li>- Thu tiền được do khách hàng vi phạm hợp đồng; Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;</li><li>- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại; Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, bằng hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp;</li><li>- Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót;</li></ul>
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

*Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ*

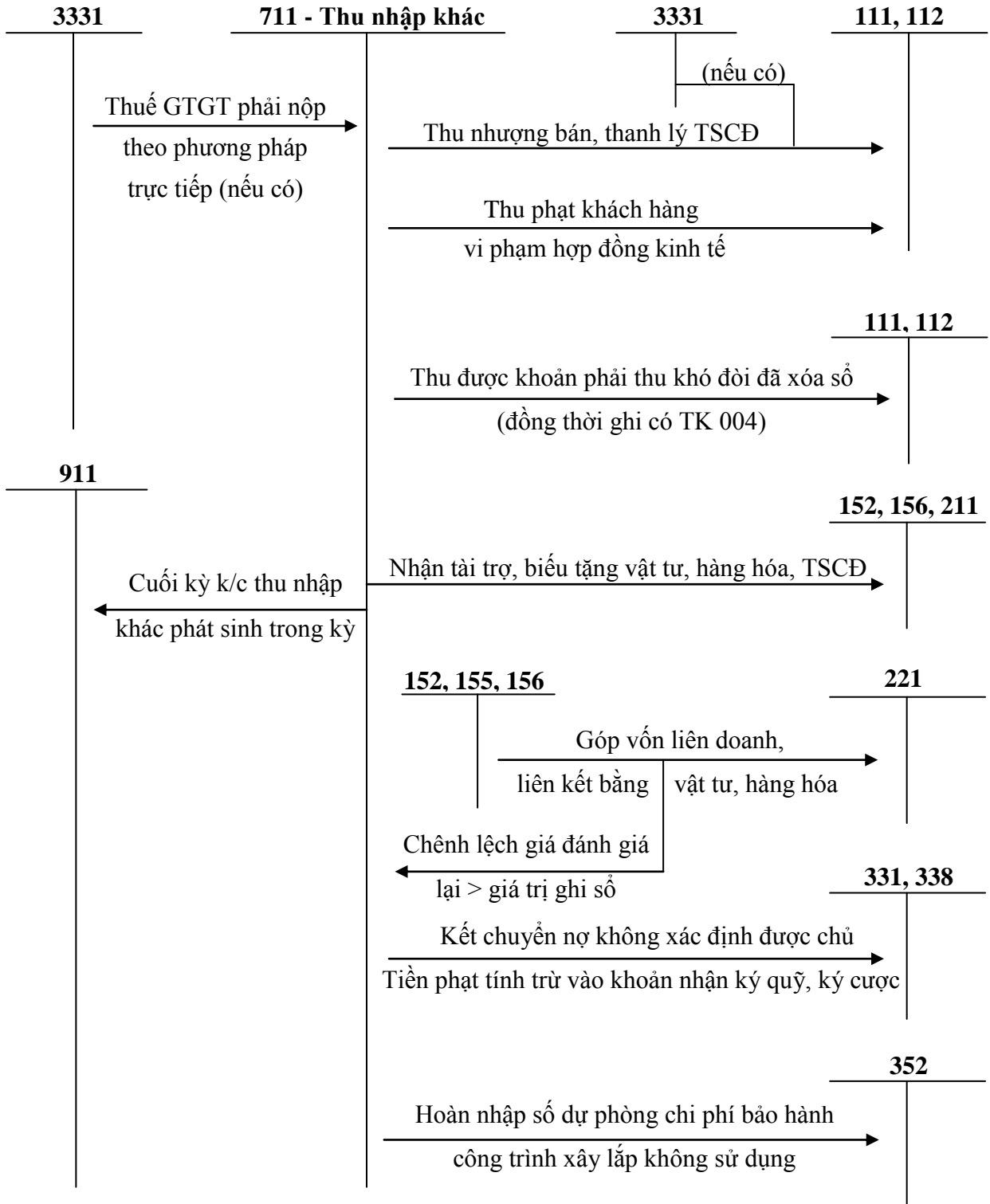
# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Sơ đồ hạch toán

### Sơ đồ số 1.7

#### Kế toán thu nhập khác

#### Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC



### 1.2.2. Tổ chức kế toán chi phí trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

#### 1.2.2.1. Tổ chức kế toán giá vốn hàng bán theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC

##### **Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho:**

Để tính giá trị hàng hóa xuất kho, kế toán có thể áp dụng một trong bốn phương pháp tính giá trị hàng xuất kho theo quy định trong Chuẩn mực kế toán số 02 - "Hàng tồn kho".

##### **✚ Phương pháp bình quân gia quyền:**

Theo phương pháp này thì trị giá thực tế của hàng hoá, thành phẩm xuất kho được tính căn cứ vào số lượng hàng hoá, thành phẩm xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền.

$$\begin{array}{rcc} \text{Trị giá thực tế} & & \text{Lượng hàng} \\ \text{hàng xuất kho} & = & \text{hóa, thành} \quad \times \quad \text{Giá đơn vị bình} \\ & & \text{phẩm xuất kho} & \quad \text{quân gia quyền} \end{array}$$

*Giá đơn vị bình quân gia quyền có thể được tính theo hai cách:*

- Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\begin{array}{rcc} \text{Giá đơn vị bình quân} & & \text{Trị giá hàng tồn đầu kỳ} \quad + \quad \text{Trị giá hàng nhập trong kỳ} \\ \text{gia quyền cả kỳ} & = & \text{Lượng hàng tồn đầu kỳ} \quad + \quad \text{Lượng hàng nhập trong kỳ} \end{array}$$

- Giá đơn vị bình quân gia quyền liên hoàn:

$$\begin{array}{rcc} \text{Giá đơn vị bình quân} & = & \text{Trị giá hàng tồn sau lần nhập } i \\ \text{gia quyền sau lần nhập } i & & \text{Lượng hàng tồn sau lần nhập } i \end{array}$$

##### **✚ Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO)**

Phương pháp này dựa trên giả định hàng nhập trước sẽ được xuất trước, xuất hết số lượng hàng nhập trước mới tính đến số lượng hàng nhập sau theo giá là giá mua thực tế của từng loại hàng (trong trường hợp này số hàng tồn đầu kỳ được coi là lần nhập lần đầu tiên).

##### **✚ Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO)**

- Xác định tại thời điểm cuối kỳ: theo phương pháp này hàng nào nhập vào sau cùng sẽ được xuất ra đầu tiên.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

- Xác định sau mỗi lần nhập: theo phương pháp này thì sau mỗi lần nhập sẽ xác định giá trị thực tế xuất kho.

### **✚ Phương pháp thực tế đích danh**

- Theo phương pháp này hàng hóa nhập kho theo giá nào thì được xuất kho theo giá đó. Hàng hóa được xác định theo đơn chiếc từng lô và giữ nguyên giá cho đến lúc bán (trừ trường hợp điều chỉnh).

- Phương pháp này phản ánh chính xác giá trị của từng lô hàng hóa của mỗi lần nhập. Do đó, những doanh nghiệp có nhiều mặt hàng, nhiều nghiệp vụ xuất nhập hàng hóa không nên áp dụng.

### **✚ Chứng từ sử dụng**

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho

### **✚ Tài khoản sử dụng**

TK 632 "Giá vốn hàng bán"

### **✚ Kết cấu tài khoản**

#### **Tài khoản 632 “ Giá vốn hàng bán”**

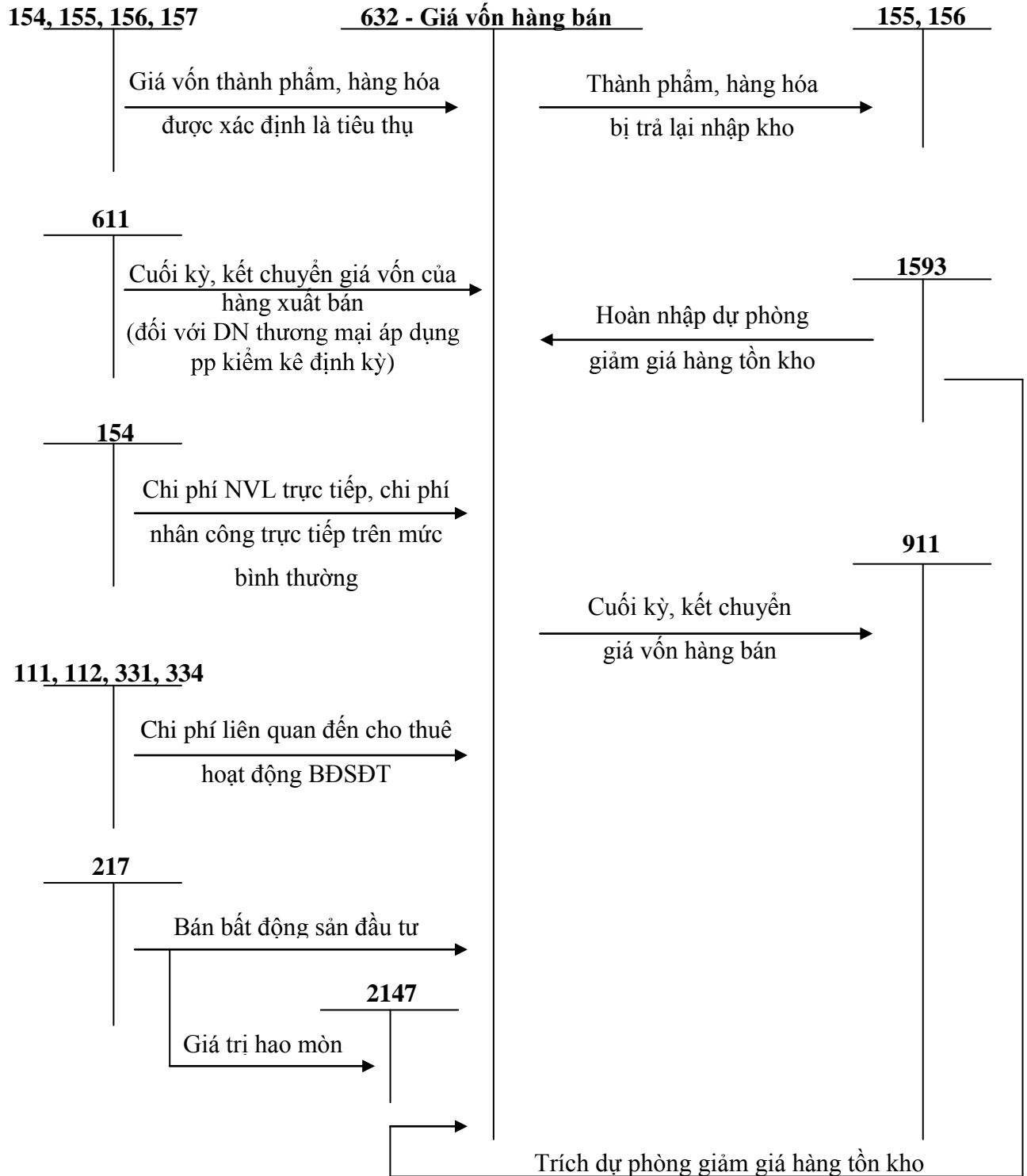
<ul style="list-style-type: none"><li>- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ;</li><li>- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho;</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911;</li><li>- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho ;</li><li>- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho;</li></ul>
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

*Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ*

Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ số 1.8

Kế toán giá vốn hàng bán  
Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC



**1.2.2.2. Tổ chức kế toán chi phí tài chính**

**+ Chứng từ sử dụng**

- Phiếu chi
- Phiếu kế toán

**+ Tài khoản sử dụng**

TK 635 "Chi phí tài chính"

**+ Kết cấu tài khoản**

**Tài khoản 635 “ Chi phí tài chính”**

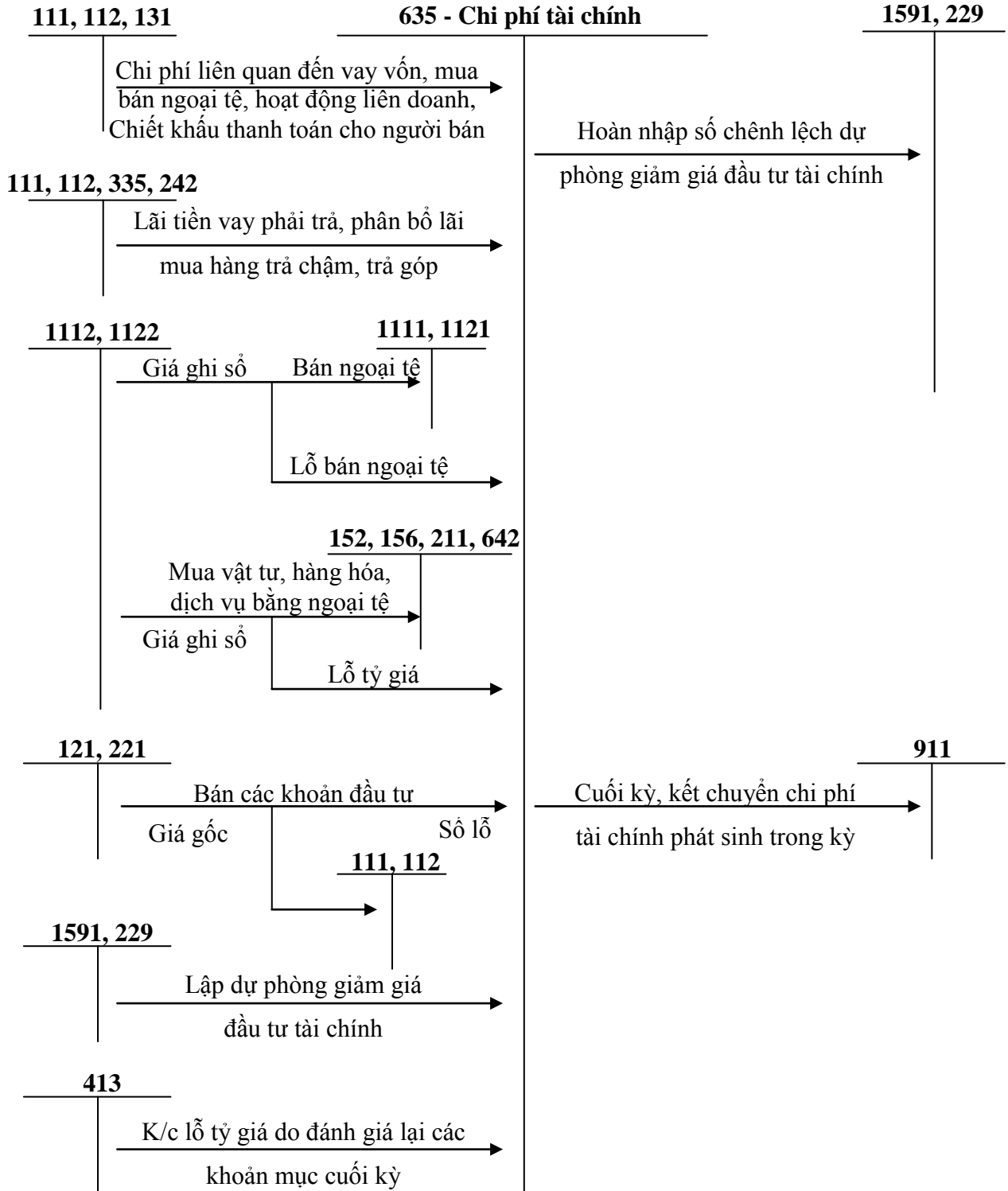
<ul style="list-style-type: none"><li>- Các khoản chi phí hoạt động tài chính;</li><li>- Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn;</li><li>- Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế;</li><li>- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ.</li><li>- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;</li><li>- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh;</li></ul>
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

*Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ*

**Sơ đồ hạch toán**

**Sơ đồ số 1.9**

**Kế toán chi phí tài chính**  
*Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC*





**1.2.2.3. Tổ chức kế toán chi phí quản lý kinh doanh theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC**

Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC chi phí quản lý kinh doanh bao gồm: Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

**+ Chứng từ sử dụng**

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ NVL - công cụ, dụng cụ
- Các chứng từ gốc có liên quan: Phiếu chi, Phiếu kế toán...

**+ Tài khoản sử dụng**

TK 642 "Chi phí quản lý kinh doanh"

Các tài khoản cấp 2:

TK 6421: "*Chi phí bán hàng*"

TK 6422: "*Chi phí quản lý doanh nghiệp*"

**+ Kết cấu tài khoản**

**Tài khoản 642 “ Chi phí quản lý kinh doanh”**

- Chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ;	- Các khoản ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh trong kỳ; - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào bên Nợ tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh;
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

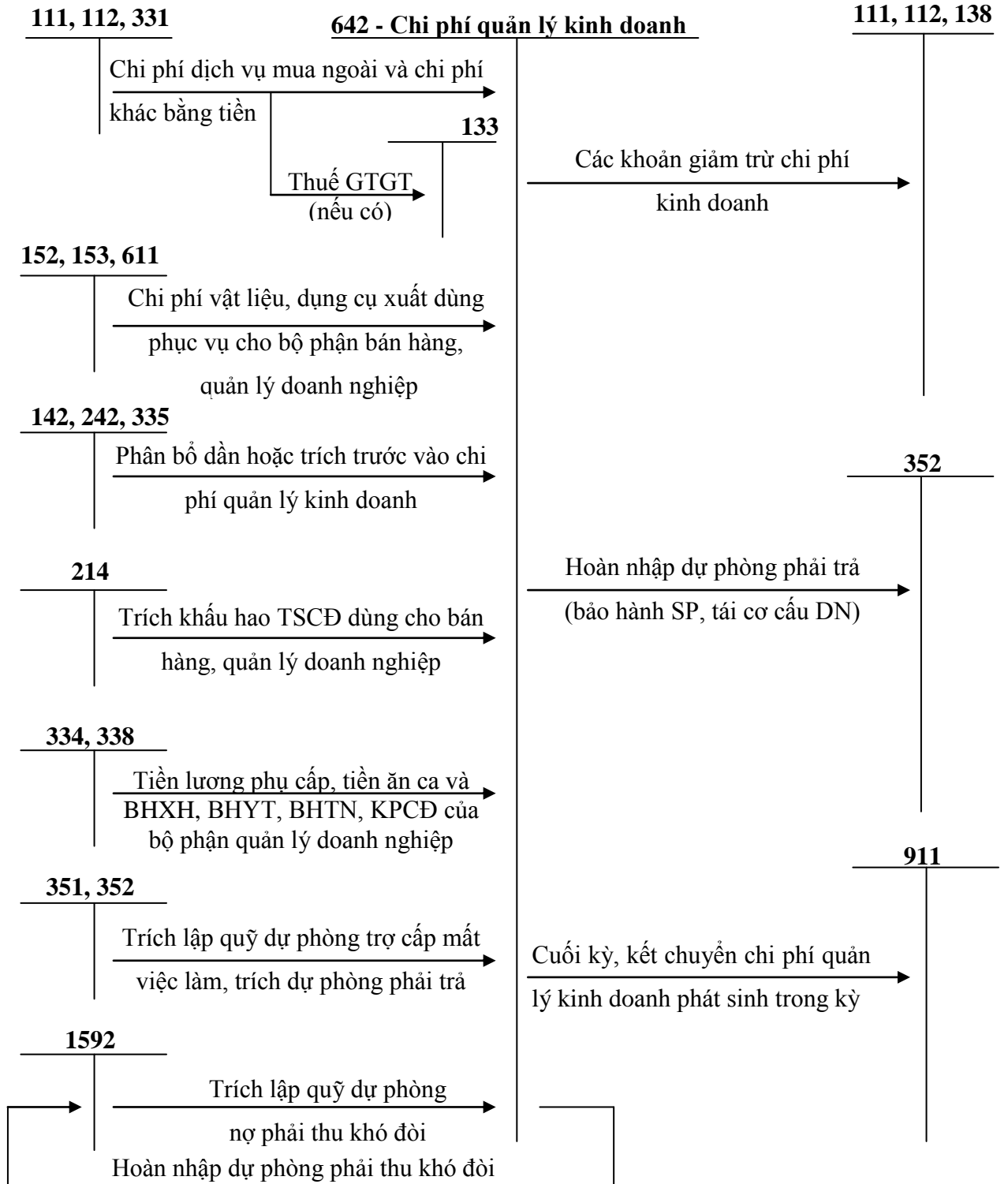
*Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ*

**Sơ đồ hạch toán:**

**Sơ đồ số 1.10**

**Kế toán chi phí quản lý kinh doanh**

*Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC*



**1.2.2.4. Tổ chức kế toán chi phí khác theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC**

**+ Chứng từ sử dụng**

- Phiếu chi, biên bản thanh lý TSCĐ
- Phiếu kế toán

**+ Tài khoản sử dụng**

TK 811 "Chi phí khác"

**+ Kết cấu tài khoản**

**Tài khoản 811 “ Chi phí khác ”**

- Tập hợp các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ;	- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh;
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

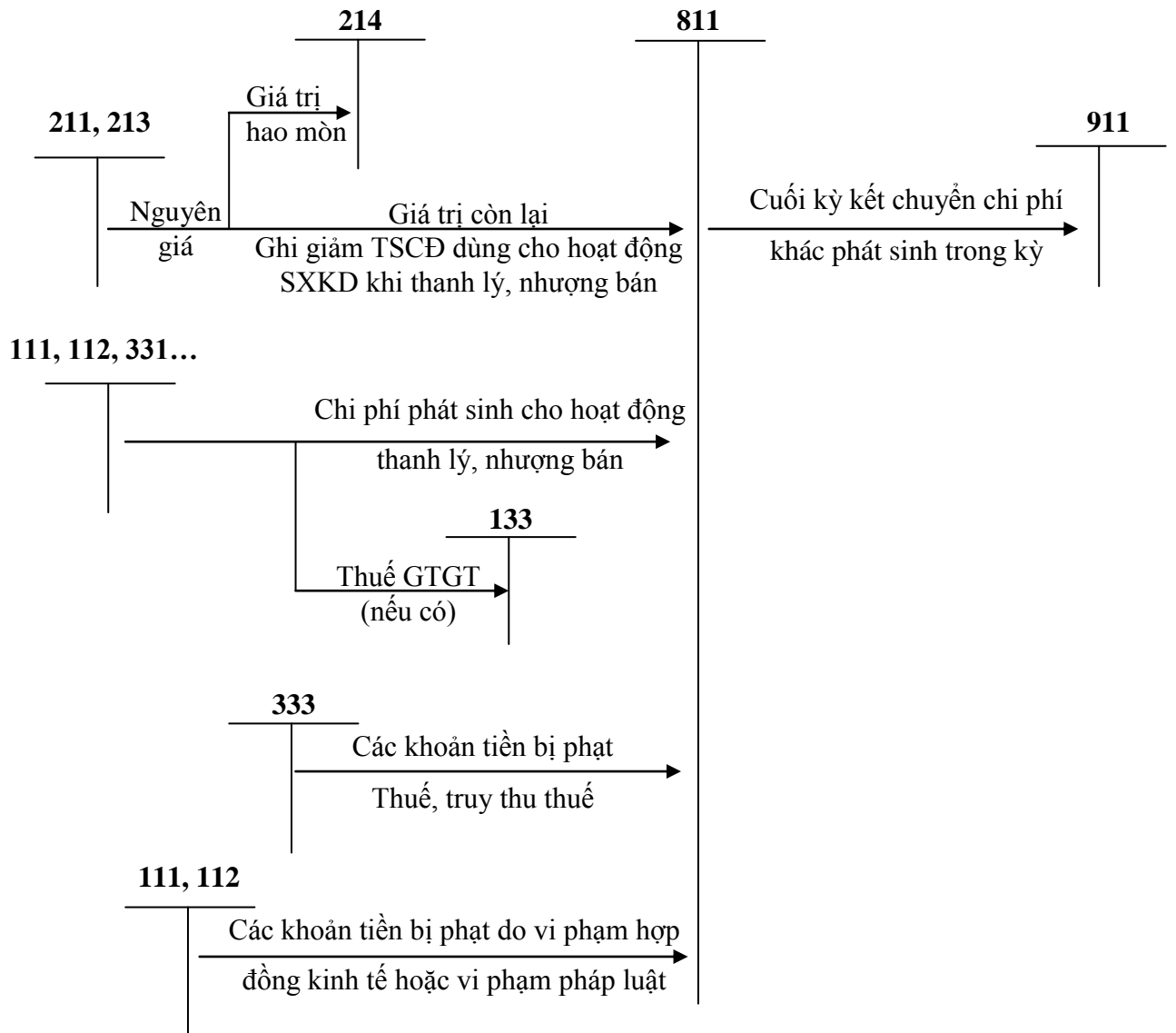
*Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ.*

**Sơ đồ hạch toán**

**Sơ đồ số 1.11**

**Kế toán chi phí khác**

**Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC**



**1.2.3. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC**

**+ Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán
- Chứng từ liên quan khác.

**+ Tài khoản sử dụng**

TK 911 - "Xác định kết quả kinh doanh"

TK 821 - "Chi phí thuế TNDN"

TK 421 - "Lợi nhuận chưa phân phối"

**+ Kết cấu tài khoản**

**Tài khoản 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”**

<ul style="list-style-type: none"><li>- Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư đã bán và dịch vụ đã cung cấp;</li><li>- Chi phí hoạt động tài chính;</li><li>- Chi phí khác;</li><li>- Chi phí quản lý kinh doanh;</li><li>- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;</li><li>- Kết chuyển lãi;</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;</li><li>- Doanh thu hoạt động tài chính;</li><li>- Thu nhập khác;</li><li>- Khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN;</li><li>- Kết chuyển lỗ;</li></ul>
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

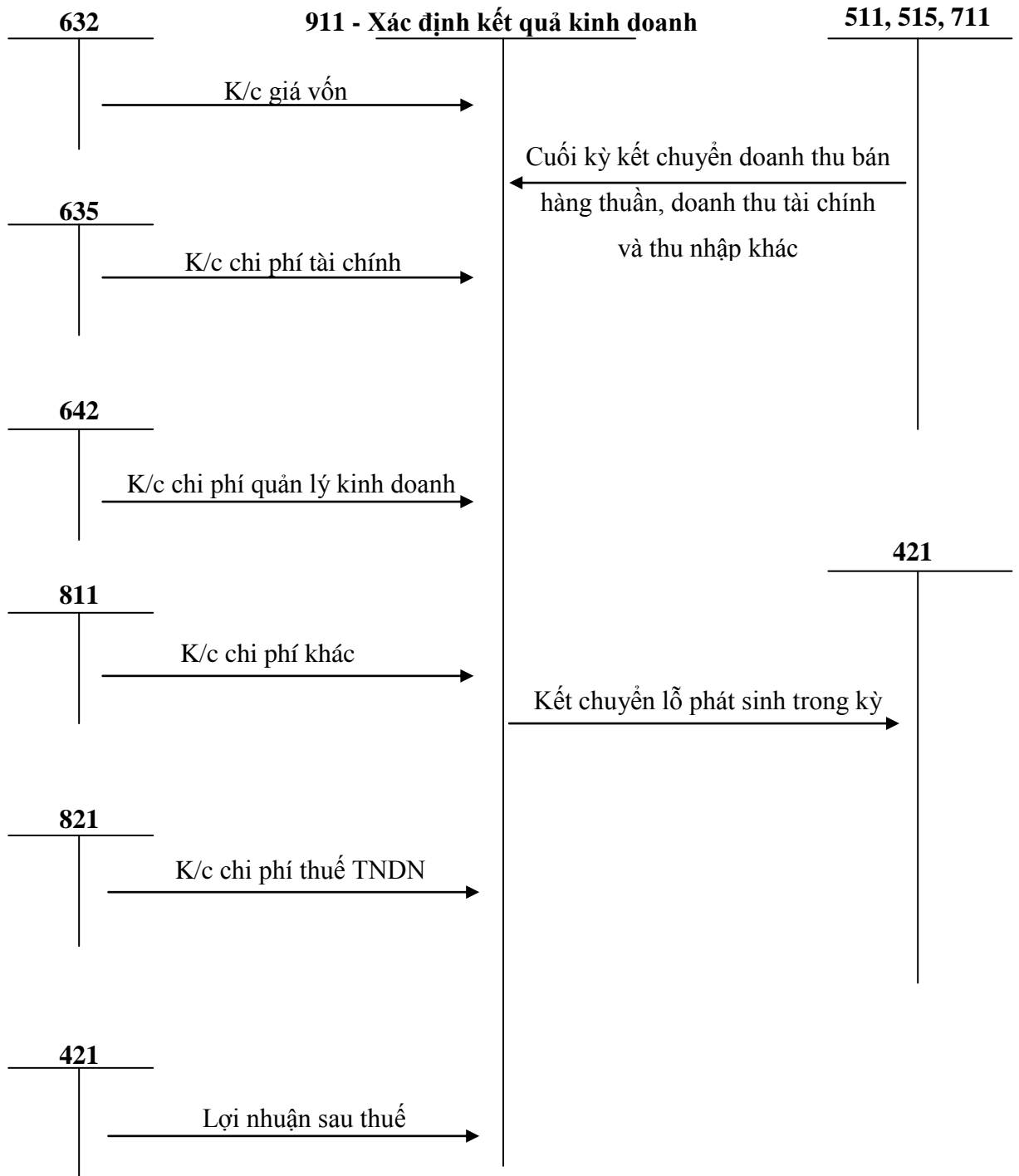
*Tài khoản 911 không có số dư đầu và cuối kỳ*

**Sơ đồ hạch toán**

**Sơ đồ số 1.12**

**Kế toán xác định kết quả kinh doanh**

*Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC*



### **1.3. Tổ chức luân chuyển chứng từ, sổ sách kế toán trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ**

Công tác kế toán trong một đơn vị hạch toán, đặc biệt trong các doanh nghiệp thường nhiều và phức tạp. Do vậy đơn vị hạch toán cần thiết phải sử dụng nhiều sổ sách để ghi chép. Mỗi hệ thống sổ kế toán được xây dựng là một hình thức sổ nhất định mà doanh nghiệp cần phải có để thực hiện công tác kế toán.

Căn cứ vào quy mô, đặc điểm sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý và trình độ của cán bộ kế toán, điều kiện trang bị kỹ thuật để chọn một hình thức kế toán phù hợp và tuân thủ đúng quy định của hình thức kế toán đó. Doanh nghiệp thường áp dụng một trong các hình thức sau:

1. Hình thức kế toán Nhật ký chung
2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái
3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
4. Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ
5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

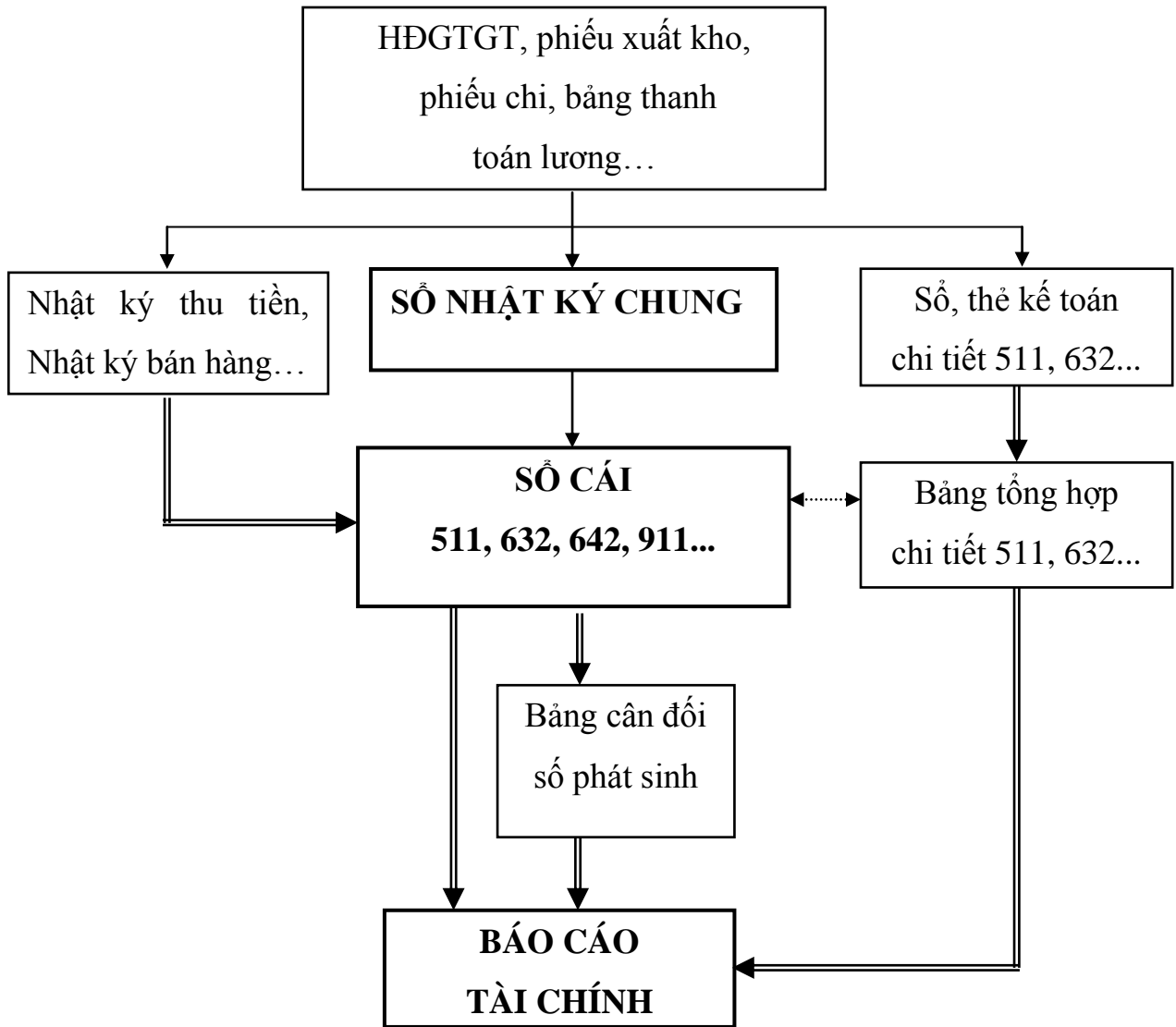
Để dễ dàng cho việc nghiên cứu, em xin được đi sâu vào hình thức kế toán mà Công ty TNHH thương mại Ngọc Đức áp dụng, cụ thể là công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

#### **Hình thức kế toán Nhật ký chung**

##### **- Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung**

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



*Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký chung áp dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh*

### Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- ==> : Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ↔ : Đối chiếu



**CHƯƠNG 2**

**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ  
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI NGỌC ĐỨC**

**2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Thương mại Ngọc Đức**

**2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển công ty TNHH TM Ngọc Đức**

Tiền thân của công ty TNHH Thương mại Ngọc Đức là công ty TNHH Thương mại Ngọc Ngà, được thành lập theo giấy phép kinh doanh số 0202001490, đăng kí kinh doanh ngày 01/05/1999 do Sở kế hoạch Đầu tư Thành Phố Hải Phòng cấp với ngành nghề kinh doanh là: Chuyên kinh doanh giấy photo, giấy in, mực in, văn phòng phẩm các loại.

Cùng với sự phát triển và lớn mạnh của Công ty theo thời gian, Công ty đã chính thức đổi tên thành Công ty TNHH Thương mại Ngọc Đức vào ngày 20/05/2003 và đăng kí thêm các ngành nghề kinh doanh mới vào 12/12/2007.

Tên giao dịch tiếng Việt: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NGỌC ĐỨC.**

- + Tên giao dịch tiếng Anh: **NGOC DUC TRADE COMPANY LIMITED**
- + Tên viết tắt: **NGOCDUCTRACO.LTD**
- + Địa chỉ: số 63 Hàng Kênh\_Q.Lê Chân\_TP.Hải Phòng.
- + Điện thoại: 0313.854621
- + Mã số thuế: 0200777844
- + Tài khoản: 0231000076382\_ tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam( Vietcombank).
- + Vốn điều lệ: **3.500.000.000 đồng**

Công ty TNHH TM Ngọc Đức là Công ty TNHH có hai thành viên trở lên, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành khác của nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Công ty tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh bảo toàn và phát triển vốn theo quy định của Nhà nước. Công ty thực hiện chức năng kinh doanh và được quyền mở rộng sản xuất kinh doanh

theo điều lệ pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế hiện hành.

Sau nhiều năm trưởng thành và phát triển, hiện nay công ty đã khẳng định được vị trí của mình trên thị trường và không ngừng mở rộng quy mô và lĩnh vực hoạt động.

### **2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty TNHH thương mại Ngọc Đức**

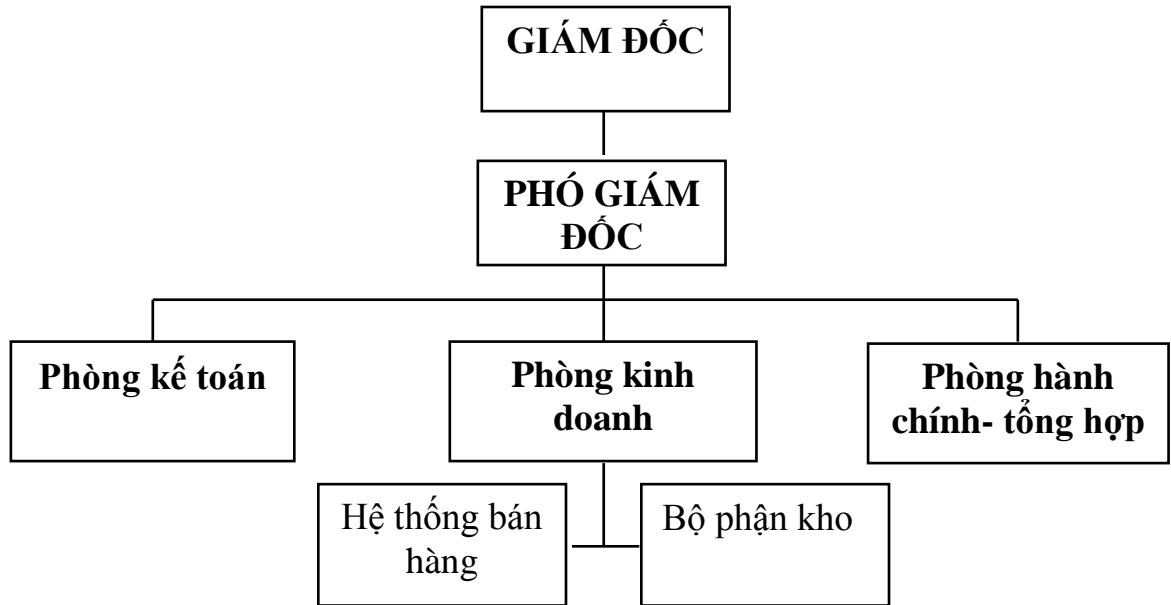
Trong một nền kinh tế doanh nghiệp thương mại giữ vai trò phân phối lưu thông hàng hóa, thúc đẩy quá trình tái sản xuất. Là một công ty thương mại, các nghiệp vụ mua, bán hàng là nghiệp vụ kinh doanh cơ bản. Mặt hàng chính của công ty là kinh doanh bán buôn, bán lẻ các sản phẩm phục vụ công tác văn phòng như:

1. Bán buôn, bán lẻ văn phòng phẩm: giấy, bút, mực...
2. Bán buôn, bán lẻ máy tính cá nhân, thiết bị ngoại vi của máy vi tính, thiết bị linh kiện điện tử, viễn thông.
3. Bán buôn, bán lẻ máy móc thiết bị, phụ tùng văn phòng.

Để đáp ứng nhu cầu của khách hàng cũng như nâng cao uy tín và khả năng cạnh tranh của mình, công ty đã xây dựng một đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp thực hiện việc bán hàng, vận chuyển... Với việc tổ chức như trên đã góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

### **2.1.3. Đặc điểm bộ máy quản lý của công ty TNHH thương mại Ngọc Đức**

Công ty TNHH Thương mại Ngọc Đức là đơn vị sản xuất kinh doanh độc lập. Công ty đã tổ chức mô hình quản lý kiểu trực tuyến với phương châm sử dụng lao động gọn nhẹ, nâng cao đội ngũ cán bộ có trình độ nghiệp vụ với bộ máy quản lý hoàn chỉnh, các phòng ban được phân định rõ ràng cụ thể.



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty TNHH Thương mại Ngọc Đức.

### **Trong đó:**

- **Giám đốc:** Là người trực tiếp quản lý cao nhất của công ty, là người đại diện pháp nhân của công ty trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước nhà nước về các hoạt động của công ty và đại diện cho các quyền lợi của toàn bộ nhân viên trong công ty. Giám đốc đưa ra các đường lối, chính sách, phương hướng hoạt động của công ty.

- **Phó giám đốc:** Phó giám đốc là người tham mưu, hỗ trợ giám đốc, chịu trách nhiệm trước giám đốc, trước Nhà nước về nhiệm vụ của mình được Giám đốc phân công. PGĐ phối hợp các phòng ban trong công ty để lập và điều chỉnh kế hoạch phù hợp với xu thế của thị trường, quản lý chắc chắn các loại vốn, hạch toán thu tài chính theo đúng chế độ của Nhà Nước.

- **Phòng kế toán:** Tham mưu cho giám đốc về mặt tài chính kế toán, tổ chức quản lý các nguồn vốn, hạch toán đúng chế độ, đảm bảo vốn để đơn vị hoạt động liên tục và có hiệu quả, chỉ đạo công tác kế toán tại công ty, xác định tài sản, vật tư, tiền vốn và kết quả kinh doanh. Lưu trữ hồ sơ và các chứng từ gốc có liên quan đến các nghiệp vụ kinh tế của Công ty và các quỹ để lại.

- **Phòng kinh doanh:** Có nhiệm vụ lập kế hoạch, lên phương án sản xuất kinh doanh của Công ty. Phòng này có chức năng tìm hiểu, nghiên cứu thị

trường, tham mưu cho Giám đốc trong lập kế hoạch tiêu thụ hàng hóa.

+ **Bộ phận kho:** Quản lý và điều hành kho, tổ chức công tác quản lý hàng hóa.

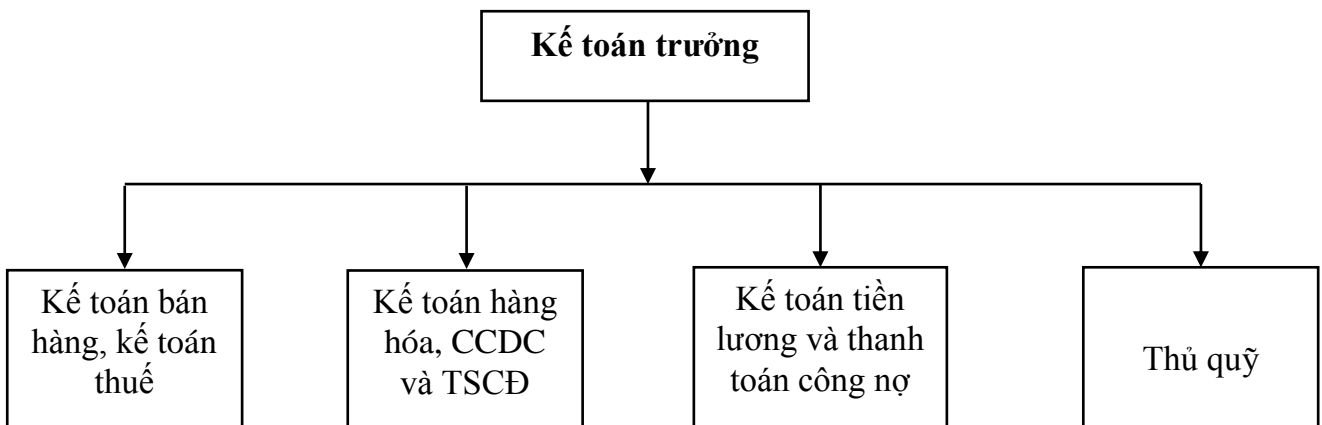
+ **Hệ thống bán hàng:** có chức năng bán các mặt hàng của công ty.

- **Phòng hành chính tổng hợp :** Quản lý lao động, điều động nhân lực khi cần thiết, tham mưu cho Ban Giám Đốc về tổ chức bộ máy quản lý, nghiên cứu lập kế hoạch hoạt động chung cho toàn công ty, quản lý và tổ chức nhân sự trong công ty, thực hiện các công tác lao động tiền lương, hỗ trợ các phòng ban khác soạn thảo văn bản, công văn, hồ sơ... Theo dõi và thiết lập kế hoạch đào tạo trên cơ sở phát triển theo định hướng của Công ty.

### 2.1.3. Đặc điểm bộ máy kế toán của công ty TNHH thương mại Ngọc Đức

Phòng kế toán của công ty được tổ chức gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo được sự hợp lý và hiệu quả trong việc cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin liên quan đến tài chính, kinh tế cho ban giám đốc. Phòng kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức bộ máy kế toán tập trung, chỉ có một phòng kế toán duy nhất chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kế toán của công ty. Hình thức này tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của ban giám đốc công ty đối với hoạt động kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng.

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo mô hình tập trung:



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Công ty TNHH Thương mại Ngọc Đức.

*Trong đó:*

- **Kế toán trưởng** là người chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về mọi công việc của phòng kế toán tài chính, chỉ đạo toàn bộ các công việc của phòng kế toán, tham mưu và tư vấn cho tổng giám đốc về công tác tài chính của công ty.
- **Kế toán bán hàng, thuế** chịu trách nhiệm theo dõi và phản ánh tình hình cũng như kết quả bán hàng và theo dõi thuế GTGT đầu vào, đầu ra, thuế TNDN, thuế TNCN và các loại thuế khác...
- **Kế toán công cụ dụng cụ và tài sản cố định** có nhiệm vụ phản ánh tình hình nhập, xuất, tồn kho CCDC, lập bảng trích khấu hao của từng bộ phận để phân bổ chi phí chính xác, giúp cho kế toán tập hợp chi phí dễ dàng kịp thời.
- **Kế toán lương và thanh toán công nợ** có nhiệm vụ hạch toán lương và các khoản trích theo lương của cán bộ công nhân viên trong toàn doanh nghiệp và thanh toán các khoản chi phí giao dịch với ngân hàng, theo dõi công nợ giữa công ty với khách hàng.
- **Thủ quỹ** có nhiệm vụ quản lý việc thu, chi hàng ngày dựa trên hoá đơn chứng từ mua bán.

#### **2.1.4. Tổ chức hệ thống sổ sách và hình thức kế toán áp dụng tại công ty TNHH thương mại Ngọc Đức.**

- ✚ **Niên độ kế toán:** Ngày bắt đầu 01/01, ngày kết thúc 31/12 hàng năm.
- ✚ **Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ Tài chính
- ✚ **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đồng Việt Nam.
- ✚ **Các chính sách, phương pháp kế toán đang áp dụng:**
  - Kế toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên
  - Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Ghi theo giá gốc
  - Tính giá hàng xuất kho: Theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ
  - Tính và nộp thuế GTGT: Theo phương pháp khấu trừ.
  - Tính khấu hao TSCĐ: Theo phương pháp khấu hao đều

### **Chu trình kế toán được tổ chức chặt chẽ theo bốn bước sau:**

- *Kiểm tra chứng từ:* Xác định chứng từ về tính hợp pháp, hợp lệ, trung thực, đúng chế độ kế toán.
- *Hoàn chỉnh chứng từ:* Ghi chép nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh như số tiền, số thực xuất... tổng hợp số liệu, lập và định khoản kế toán.
- *Luân chuyển chứng từ:* Tùy theo tính chất nội dung của từng loại chứng từ kế toán luân chuyển vào các bộ phận được quy định để làm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết kịp thời, chính xác.
- *Lưu trữ chứng từ:* Bộ phận kế toán có trách nhiệm tổ chức bảo quản, lưu trữ đầy đủ có hệ thống và khoa học theo đúng quy định.

### **Hệ thống sổ kế toán:**

- *Sổ nhật ký chung:* Là loại sổ kế toán tổng hợp dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong từng kỳ kế toán và trong một niên độ kế toán theo trình tự thời gian và quan hệ đối ứng các tài khoản của các nghiệp vụ đó. Số liệu kế toán trên sổ Nhật ký phản ánh tổng số phát sinh bên Nợ và bên Có của tất cả các tài khoản kế toán sử dụng trong doanh nghiệp. Sổ Nhật ký có tác dụng đối chiếu với các số liệu ghi ở sổ cái.
- *Sổ cái các tài khoản:* Dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong từng kỳ kế toán và trong một niên độ kế toán theo các tài khoản kế toán được quy định trong chế độ tài khoản kế toán áp dụng cho doanh nghiệp, Số liệu kế toán trên Sổ Cái phản ánh tổng hợp tình hình tài sản, nguồn vốn, tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- *Sổ chi tiết:* Dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh liên quan đến các đối tượng kế toán cần thiết phải theo dõi chi tiết theo yêu cầu quản lý. Số liệu trên sổ kế toán chi tiết cung cấp các thông tin phục vụ cho việc quản lý từng loại tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí chưa được phản ánh trên sổ Nhật ký và Sổ Cái.

### **Hệ thống báo cáo tài chính:**

- *Báo cáo tài chính* là những báo cáo tổng hợp về tình trạng tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong từng kỳ kế toán.
- Báo cáo tài chính năm gồm:
  - + Bảng cân đối kế toán.
  - + Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
  - + Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Hình thức kế toán áp dụng:**

Để đáp ứng nhu cầu quản lý, đồng thời căn cứ vào quy mô, đặc điểm của hoạt động sản xuất kinh doanh, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán hình thức được công ty áp dụng là hình thức *Nhật ký chung*.

- *Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung*

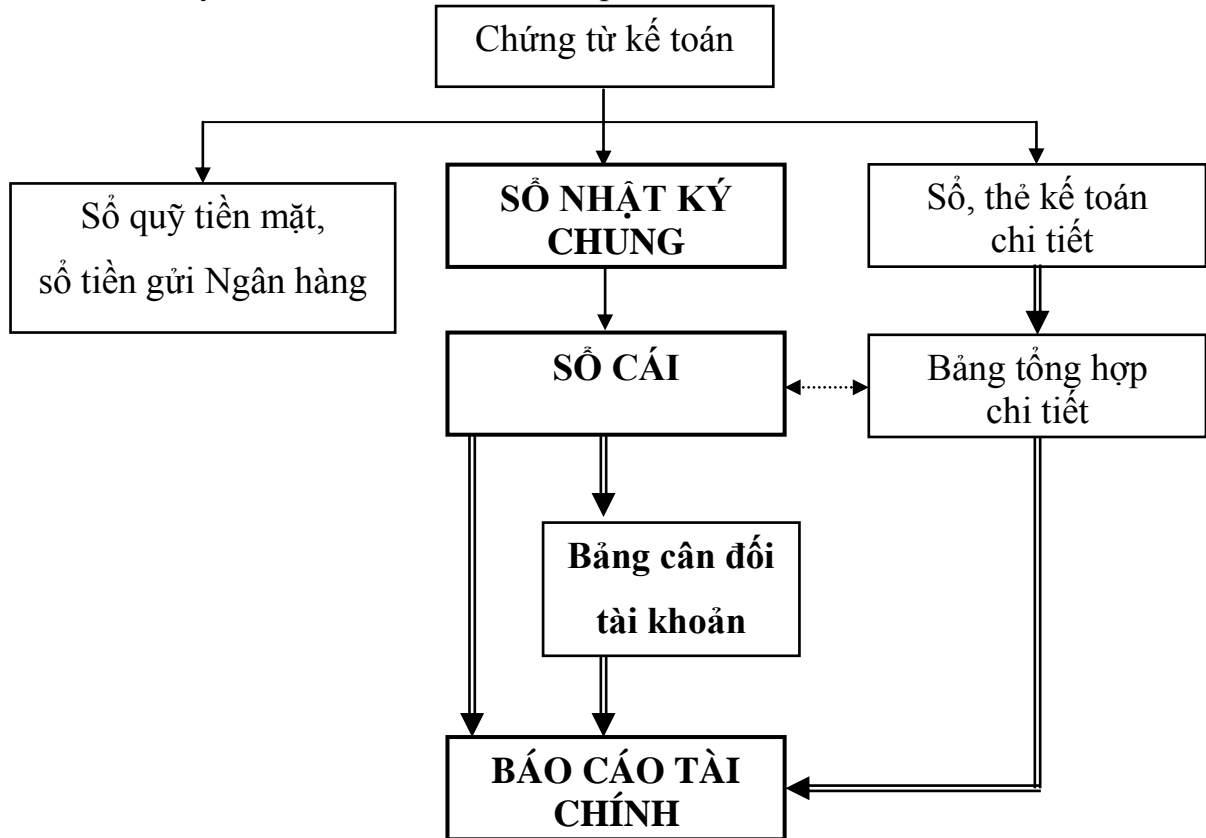
Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- + Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt.
- + Sổ Cái.
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Quy trình hạch toán thể hiện qua sơ đồ sau



Sơ đồ 2.3: Sơ đồ luân chuyển chứng từ, sổ sách kế toán tại Công ty TNHH Thương mại Ngọc Đức.

### Ghi chú:

- ✓ Ghi hàng ngày →
- ✓ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ==>
- ✓ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra <----->

### - Trình tự ghi sổ kế toán:

(1) Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ kế toán gốc đã được kiểm tra (các phiếu nhập, xuất kho, phiếu thu, chi tiền, giấy báo nợ, có...) dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết kế toán ghi nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ nhật ký chung hoặc sổ nhật ký đặc biệt, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung (sổ nhật ký đặc biệt) để ghi vào sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

(2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu ghi trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các báo cáo tài chính.



### 2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Ngọc Đức

#### 2.2.1. Đặc điểm doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Ngọc Đức

Công ty TNHH thương mại Ngọc Đức là công ty chuyên kinh doanh văn phòng phẩm các loại gồm: giấy vở, giấy in, giấy phô tô, bút, máy vi tính, thiết bị văn phòng... Doanh thu của công ty bao gồm các khoản tiền thu được từ hoạt động bán sản phẩm văn phòng phẩm và các khoản doanh thu từ hoạt động tài chính như lãi tiền gửi ngân hàng

Đối với công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Ngọc Đức được các nhân viên kế toán thực hiện tương đối chi tiết, chính xác, khoa học. Kế toán theo dõi chi tiết doanh thu, giá vốn cho từng nhóm hàng hoá, theo dõi đầy đủ các loại chi phí quản lý, chi phí bán hàng cũng như các khoản doanh thu hoạt động tài chính để cuối kỳ xác định kết quả kinh doanh.

#### **Phương thức bán hàng của công ty**

Phương pháp bán hàng chủ yếu của công ty TNHH thương mại Ngọc Đức là: Bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng, cho các công ty, cửa hàng tư nhân trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

#### **Phương thức thanh toán**

- Bán hàng thu tiền ngay, thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt: Áp dụng với khách hàng mua ít, không thường xuyên hoặc khách hàng có nhu cầu thanh toán ngay. Phương thức này giúp cho doanh nghiệp thu hồi vốn nhanh, tránh được tình trạng chiếm dụng vốn.

- Thanh toán chậm: Phương thức này áp dụng cho khách hàng thường xuyên và có uy tín với doanh nghiệp.

- Thanh toán qua ngân hàng: Hình thức này được trích chuyển từ tài khoản người này sang tài khoản người được hưởng thông qua ngân hàng và phải trả lệ phí cho ngân hàng.

### 2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại Ngọc Đức.

#### 2.2.2.1. Thực trạng kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH Thương mại Ngọc Đức.

##### Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT (mẫu 01GTKT-3LL)
  - + Liên 1: *Màu tím được lưu lại quyền hoá đơn*
  - + Liên 2: *Màu đỏ giao cho khách hàng*
  - + Liên 3: *Màu xanh luân chuyển trong công ty để ghi sổ kế toán*
- Các chứng từ thanh toán (phiếu thu, phiếu báo có...)
- Bảng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa dịch vụ bán ra...

##### Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Do công ty kinh doanh nhiều loại mặt hàng khác nhau nên TK 511 được theo dõi thành 5 tài khoản cấp 2 tương ứng với từng nhóm hàng hóa mà công ty cung cấp:

TK 5111: Doanh thu bán các loại Giấy

TK 5112: Doanh thu bán các loại Bút

TK 5113: Doanh thu bán các loại Mực

TK 5114: Doanh thu bán máy móc thiết bị văn phòng

TK 5115: Doanh thu bán văn phòng phẩm khác.

*Trong đó, mỗi mặt hàng lại được mở chi tiết để theo dõi tiếp:*

TK 51111: Doanh thu bán giấy in Plus A4

TK 51112: Doanh thu bán giấy phô tô Paper one A4

TK 51113: Doanh thu bán giấy in Bãi Bằng A4

....

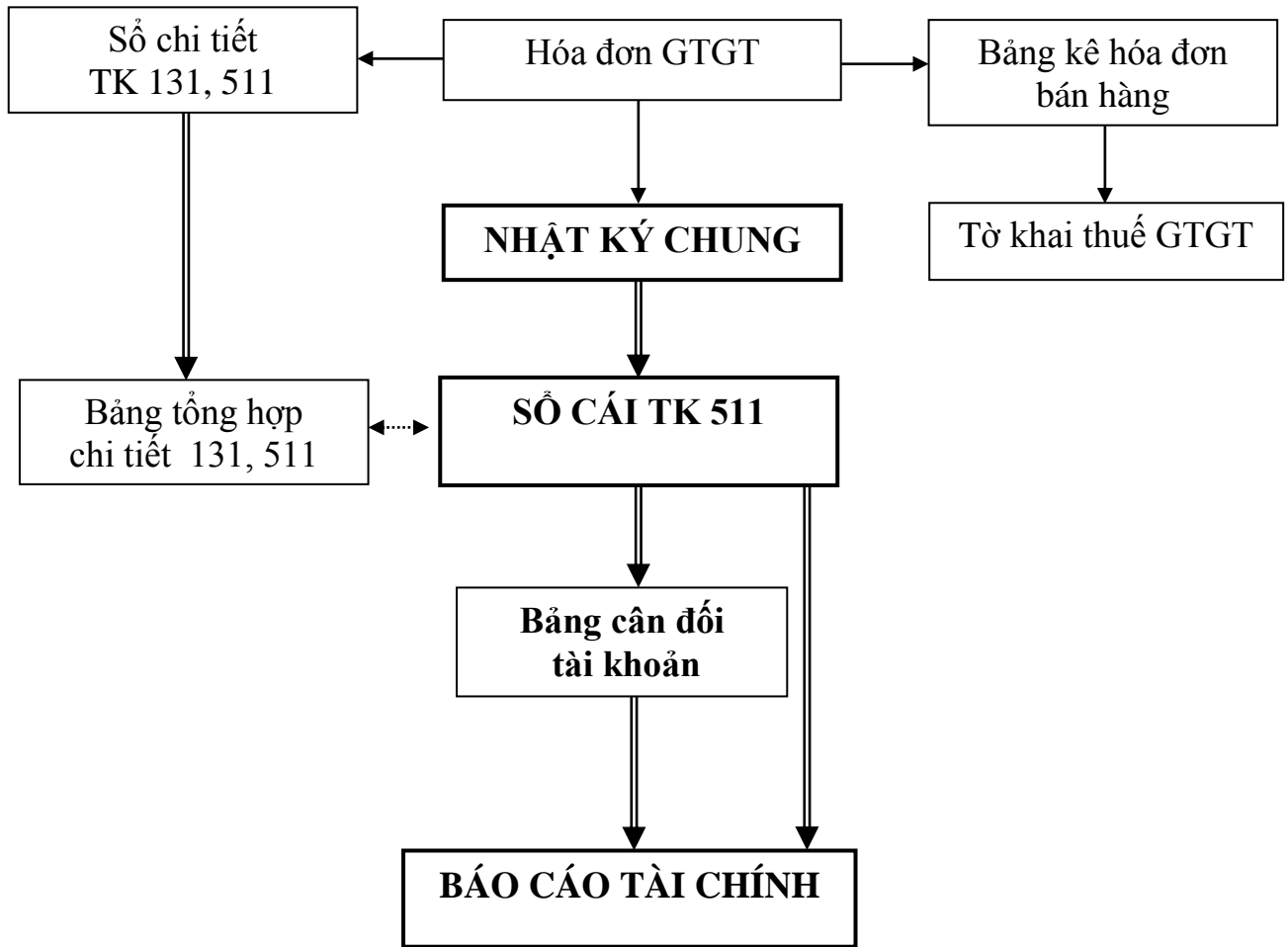
- Tài khoản 333: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước
- Tài khoản 111, 112, 131

Và các tài khoản khác có liên quan

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### Quy trình luân chuyển chứng từ

Công tác kế toán được mô tả theo trình tự luân chuyển chứng từ sau:



Sơ đồ 2.4. Quy trình luân chuyển chứng từ, sổ sách kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH thương mại Ngọc Đức

#### Ghi chú:

- ✓ Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$
- ✓ Ghi cuối tháng:  $\Longrightarrow$
- ✓ Đối chiếu, kiểm tra:  $\longleftrightarrow$

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

- Doanh thu bán hàng tại công ty được ghi nhận khi phát sinh các nghiệp vụ bán hàng.
- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc như hóa đơn bán lẻ, hóa đơn GTGT đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán tiến hành ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung.
- Cuối tháng căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản 511, 131, ... Đồng thời từ các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ chi tiết TK 511, 131.
- Cuối quý, cuối năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối tài khoản, đồng thời cũng từ sổ chi tiết các tài khoản, kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết (sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết được lập từ các Sổ chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

**Ví dụ minh họa 1:** Trích nghiệp vụ bán hàng của công ty TNHH thương mại Ngọc Đức phát sinh trong tháng 10/2011 như sau:

Ngày 31/10/2011, xuất bán 25 hộp giấy in Plus A4 cho công ty thép Việt Úc SSE với số tiền 1.412.500 đồng chưa bao gồm thuế GTGT 10%. Công ty thép Việt Úc đã thanh toán bằng tiền mặt.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

<b>HOÁ ĐƠN</b> <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b> <b>Liên 3: Nội bộ</b> Ngày 31 tháng 10 năm 2011	Mẫu số:01GTKT -3LL <b>AA/11P</b> <b>Số:0079763</b>																																																										
Đơn vị bán hàng: ...CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NGỌC ĐỨC..... Địa chỉ:..... 63 Hàng Kênh- Lê Chân- Hải Phòng..... Số tài khoản: ...0231000076382_ tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam... Điện thoại: 0313.825.538.....MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td></tr></table>		0	2																																																								
0	2																																																										
Họ tên người mua hàng:.....Anh Nguyễn Văn An..... Tên đơn vị :..... Công ty sản xuất thép Việt Úc- SSE..... Địa chỉ: Km số 09- Quán Toan- Hồng Bàng- Hải Phòng..... Số tài khoản: ..... Hình thức thanh toán:..Tiền mặt...MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td><td style="width: 20px; text-align: center;"> </td></tr></table>																																																											
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <thead> <tr> <th style="width: 8%;">TT</th> <th style="width: 25%;">Tên hàng hóa dịch vụ</th> <th style="width: 12%;">Đơn vị tính</th> <th style="width: 12%;">Số lượng</th> <th style="width: 12%;">Đơn giá</th> <th style="width: 13%;">Thành tiền</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>2</td> <td>3</td> <td>4</td> <td>5</td> <td>6=4x5</td> </tr> <tr> <td>01</td> <td>Giấy in Plus A4</td> <td>Hộp</td> <td>25</td> <td>56.500</td> <td>1.412.500</td> </tr> <tr> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> </tr> <tr> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> </tr> <tr> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> </tr> <tr> <td colspan="5" style="text-align: right;">Cộng tiền hàng: 1.412.500</td> <td> </td> </tr> <tr> <td colspan="4" style="text-align: center;">Thuế suất GTGT: 10%</td> <td colspan="2" style="text-align: right;">Tiền thuế GTGT: 141.250</td> </tr> <tr> <td colspan="6" style="text-align: right;">Tổng cộng thanh toán: 1.553.750</td> </tr> </tbody> </table>						TT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	1	2	3	4	5	6=4x5	01	Giấy in Plus A4	Hộp	25	56.500	1.412.500																			Cộng tiền hàng: 1.412.500						Thuế suất GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT: 141.250		Tổng cộng thanh toán: 1.553.750					
TT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền																																																						
1	2	3	4	5	6=4x5																																																						
01	Giấy in Plus A4	Hộp	25	56.500	1.412.500																																																						
Cộng tiền hàng: 1.412.500																																																											
Thuế suất GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT: 141.250																																																							
Tổng cộng thanh toán: 1.553.750																																																											
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu lăm trăm lăm mươi ba nghìn bảy trăm lăm mươi đồng chẵn.																																																											
<b>Người mua hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)			<b>Người bán hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)																																																								
(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại Ngọc Đức_ 2011)																																																											

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**CÔNG TY TNHH TM NGỌC ĐỨC**  
**63 Hàng Kênh Lê Chân Hải Phòng**

**Mẫu số 01-TT**  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

### PHIẾU THU

*Ngày 31 tháng 10 năm 2011*

**Số : 089/10**  
**Nợ 111: 1.553.750**  
**Có 511: 1.412.500**  
**Có 3331: 141.250**

Họ và tên người nộp tiền: Anh Nguyễn Văn An

Địa chỉ: Công ty sản xuất thép Việt Úc-SSE

Lý do nộp: Thu tiền bán giấy in

Số tiền: 1.553.750 VND... (viết bằng chữ) một triệu năm trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng chẵn.

Kèm theo: 01 Chứng từ gốc.

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Một triệu năm trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng chẵn.

*Ngày 31 tháng 10 năm 2011*

<b>Thủ trưởng đơn vị</b> (Ký, họ tên, đóng dấu)	<b>Kế toán trưởng</b> (Ký, họ tên)	<b>Người lập phiếu</b> (Ký, họ tên)	<b>Thủ quỹ</b> (Ký, họ tên)	<b>Người nộp tiền</b> (Ký, họ tên)
--	---------------------------------------	--	--------------------------------	---------------------------------------

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại Ngọc Đức\_ 2011)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu 2.1**

**CÔNG TY TNHH TM NGỌC ĐỨC**  
63 Hàng Kênh Lê Chân Hải Phòng

**Mẫu số S03a\_DNN**  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số tiền	
	Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
....	.....	....	.....	.....	.....	.....
21/10	21/10	UNC 123	Trả tiền hàng công ty TNHH Kim Khánh	331	120.000.000	
				635	60.000	
				133	6.000	
				112		120.066.000
...	....	.....	.....	.....	.....	.....
30/10	30/10	PT 088/10	Thu tiền hàng của công ty TNHH Minh Đăng	111	7.200.000	
				131		7.200.000
31/10	31/10	PC77/10	Chi tiền điện thoại văn phòng	642	1.150.560	
				133	115.056	
				111		1.265.616
31/10	31/10	<b>HD GTGT 0079763</b>	<b>Bán giấy in cho c.ty thép Việt Úc</b>	<b>111</b>	<b>1.553.750</b>	
				<b>5111</b>		<b>1.412.500</b>
				<b>3331</b>		<b>141.250</b>
31/10	31/10	P XK80/10	Xuất bán hàng cho Việt Úc	632	1.307.500	
				156		1.307.500
31/10	31/10	PBN 1034	Trả lãi ngân hàng	635	485.932	
				112		485.932
...	....	.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Cộng PS</b>		<b>73.963.373.064</b>	<b>73.963.373.064</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại Ngọc Đức\_2011)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu 2.2**

**CÔNG TY TNHH TM NGỌC ĐỨC**  
63 Hàng Kênh Lê Chân Hải Phòng

**Mẫu số S03b\_DNN**  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

## **SỔ CÁI**

Số hiệu TK: 511

Tên tài khoản: **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**  
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Dư đầu năm</b>			
.....	.....	.....	.....	....	.....	.....
31/10	HD GTGT 0079752	27/10	Bán giấy in Plus A4 cho BIDV Hải Phòng	111		565.000
31/10	HD GTGT 0079753	27/10	Bán giấy in Plus A4 cho Minh Tân	111		847.500
31/10	HD GTGT 0079754	27/10	Bán giấy Giấy in Bãi Bằng A3 cho anh Tuấn	111		960.000
31/10	HD GTGT 0079755	28/10	Bán giấy in Plus A4 cho CP Đình Anh	131		5.650.000
.....	.....	.....	.....	....	.....	.....
31/10	HD GTGT 0079762	31/10	Bán máy đóng sách cho CH photo Kim Khánh	111		1.256.800
<b>31/10</b>	<b>HD GTGT 0079763</b>	<b>31/10</b>	<b>Bán giấy in cho công ty Việt Úc</b>	<b>111</b>		<b>1.412.500</b>
31/10	PKT01/10	31/10	Kết chuyển doanh thu	911	822.145.448	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Cộng SPS</b>		<b>10.721.791.640</b>	<b>10.721.791.640</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Kế toán**

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại Ngọc Đức\_2011)

**Giám đốc**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu 2.3**

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NGỌC ĐỨC**  
63 Hàng Kênh Lê Chân Hải Phòng

**Mẫu số S17\_DNN**  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

## SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

**TK: 511 – 51111**

**Tên sản phẩm: GIẤY IN PLUS A4**

**Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/10/2011**

*Đơn vị tính: VND*

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Các khoản khác
...	...	.....	...	...	...			
0079752	27/10	Bán cho BIDV HP	111	10	56.500	565.000		
0079753	27/10	Bán cho cửa hàng Minh Tân	111	15	56.500	847.500		
0079755	28/10	Bán cho CP Đình Anh	131	100	56.500	5.650.000		
<b>0079763</b>	<b>31/10</b>	<b>Bán cho công ty Việt Úc</b>	<b>111</b>	<b>25</b>	<b>56.500</b>	<b>1.412.500</b>		
		<b>Cộng</b>		<b>6.540</b>		<b>267.890.700</b>		

*Ngày 31 tháng 10 năm 2011*

**Người ghi sổ**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

*(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại Ngọc Đức\_ 2011)*

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu 2.4**

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NGỌC ĐỨC**  
**63 Hàng Kênh Lê Chân Hải Phòng**

### **BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU BÁN HÀNG THEO TỪNG MẶT HÀNG**

**Số hiệu TK: 511- 5111**  
**Tên sản phẩm: Giấy**  
**Từ 01/10/2011 đến 31/10/2011**

*Đơn vị tính: VND*

Số thứ tự	Số hiệu tài khoản	Diễn giải	Số lượng	Số tiền		Ghi chú
				Nợ	Có	
<b>1</b>	<b>51111</b>	<b>Giấy in Plus A4</b>	<b>6.540</b>	<b>267.890.700</b>	<b>267.890.700</b>	
2	51112	Giấy photo Paper one A4	3.156	123.790.600	123.790.600	
3	51113	Giấy in Bãi Bằng A4	3.472	130.670.950	130.670.950	
4	51114	Giấy in màu Indo A4	842	60.789.500	60.789.500	
....	....	.....	...	....	.....	
		<b>Cộng</b>	<b>18.168</b>	<b>681.735.110</b>	<b>681.735.110</b>	

*Ngày 31 tháng 10 năm 2011*

**Người ghi sổ**  
*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**  
*(Ký, họ tên)*

*(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại Ngọc Đức\_2011)*

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.5

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NGỌC ĐỨC  
63 Hàng Kênh Lê Chân Hải Phòng

### BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU BÁN HÀNG

Số hiệu TK: 511  
Từ 01/10/2011 đến 31/10/2011

Đơn vị tính: VND

Số thứ tự	Số hiệu tài khoản	Diễn giải	Số tiền		Ghi chú
			Nợ	Có	
1	5111	Doanh thu bán Giấy	681.735.110	681.735.110	
2	5112	Doanh thu bán Bút	7.100.461	7.100.461	
3	5113	Doanh thu bán Mực	44.553.650	44.553.650	
4	5114	Doanh thu bán máy móc thiết bị VP	44.911.272	44.911.272	
5	5115	Doanh thu bán VPP khác	43.844.955	43.844.955	
		<b>Tổng cộng</b>	<b>822.145.448</b>	<b>822.145.448</b>	

Ngày 31 tháng 10 năm 2011

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại Ngọc Đức\_2011)

**2.2.2.2. Thực trạng kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH thương mại**

**Ngọc Đức**

**+ Phương pháp tính giá vốn hàng bán:**

- Công ty tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân cuối kỳ.
- Trong quá trình kinh doanh, căn cứ vào thoả thuận mua bán với khách hàng phát sinh tại từng thời điểm, thủ kho sẽ lập phiếu yêu cầu xuất hàng hóa.

**+ Chứng từ sử dụng:**

- Hoá đơn mua hàng
- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho

**+ Tài khoản sử dụng:**

- Tài khoản 632 - *Giá vốn hàng bán*

TK 632 được kế toán công ty sử dụng để theo dõi trị giá vốn của các hàng hóa xuất bán trong kỳ và được theo dõi thành 5 tài khoản cấp 2 tương ứng với từng nhóm hàng hóa mà công ty cung cấp:

TK 6321: Giá vốn bán Giấy

TK 6322: Giá vốn bán các loại Bút

TK 6323: Giá vốn bán các loại Mực

TK 6324: Giá vốn bán máy móc, thiết bị văn phòng.

TK 6325: Giá vốn bán các loại VPP khác.

*Trong đó, mỗi mặt hàng lại được mở chi tiết để theo dõi tiếp:*

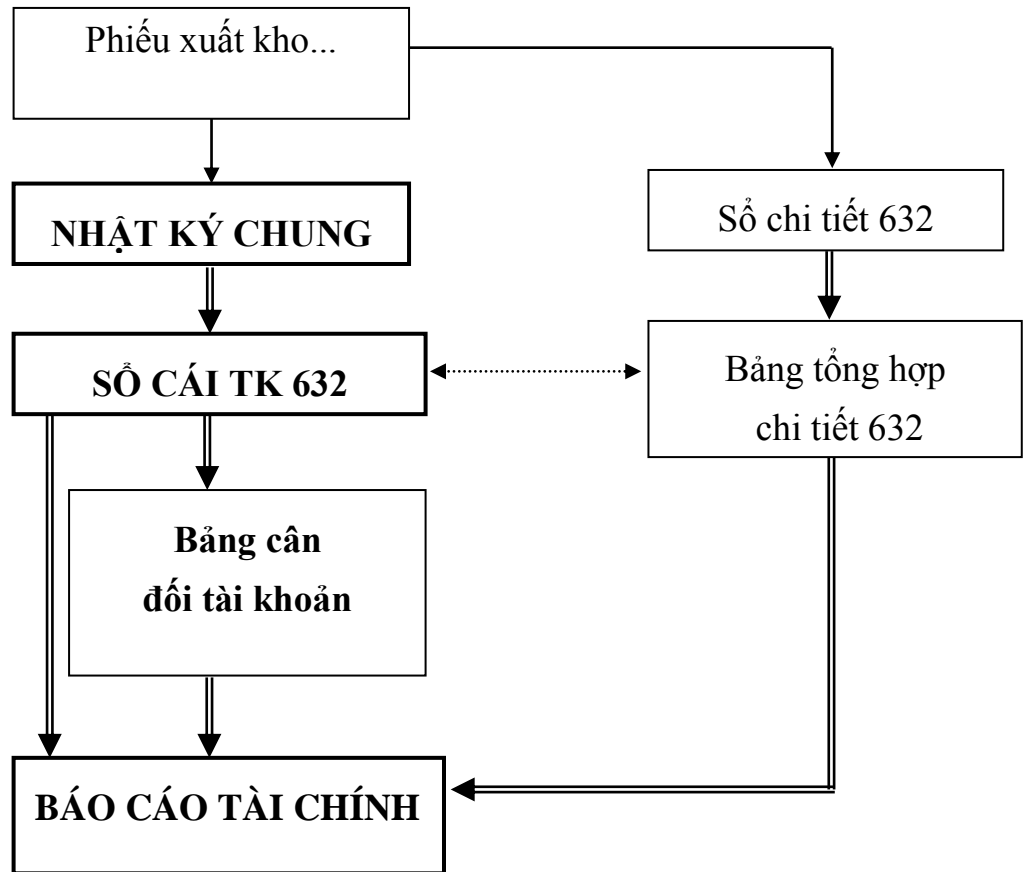
+ TK 63211: Giá vốn bán giấy in Plus A4

+ TK 63212: Giá vốn bán giấy phôi Paper one A4

+ TK 63213: Giá vốn bán giấy in Bãi Bằng A4...

- Tài khoản 156 - Hàng hóa

Quy trình luân chuyển chứng từ



Sơ đồ 2.6: Quy trình luân chuyển chứng từ, sổ sách kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH thương mại Ngọc Đức

Ghi chú:

- ✓ Ghi hàng ngày: —————→
- ✓ Ghi cuối tháng: =========>
- ✓ Đối chiếu, kiểm tra <----->

- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Cuối tháng, căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản 632. Đồng thời từ các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào sổ chi tiết 632.

- Cuối quý, cuối năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối tài khoản, đồng thời cũng từ sổ chi tiết các tài khoản, kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết (sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết được lập từ các Sổ chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

### Quay trở lại ví dụ minh họa 1:

Ngày 31/10/2011, xuất bán 25 hộp giấy in Plus A4 cho công ty thép Việt Úc với số tiền 1.412.500 đồng chưa bao gồm thuế GTGT 10%. Công ty thép Việt Úc đã thanh toán bằng tiền mặt.

- Công ty xác định trị giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.

Tình hình nhập xuất tồn giấy in Plus A4 trong tháng 10 năm 2011 như sau:

+ Ngày 01/10/2011, lượng giấy in Plus A4 tồn kho là 120 hộp, trị giá 6.360.000 đồng

+ Ngày 05/10/2011, nhập kho 200 hộp giấy in Plus A4, trị giá nhập 10.376.000 đồng

+ Ngày 07/10/2011, xuất bán cho công ty Mai Hòa 30 hộp giấy in Plus A4

+ Ngày 08/10/2011, xuất bán cho cửa hàng Nam Anh 35 hộp giấy in Plus A4 .....

+ Ngày 31/10/2011, xuất bán cho công ty thép Việt Úc SSE 25 hộp giấy in Plus A4

Đơn giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.

Đơn giá =  $(6.360.000 + 10.376.000) / (120 + 200) = 52.300$  (đồng/cái)

Trị giá xuất ngày 31/10 (PXK 80/10) :  $25 \times 52.300 = 1.307.500$  đồng.

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**CÔNG TY TNHH TM NGỌC ĐỨC**  
63 Hàng Kênh Lê Chân Hải Phòng

**Mẫu số 02-VT**  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

## PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 31 tháng 10 năm 2011

Số phiếu: 80/10

Quyển số : 05  
Nợ TK 632: 1.307.500đ  
Có TK 156 :1.307.500đ

Họ và tên người nhận: Anh Nguyễn Văn An- Công ty thép Việt Úc

Lí do xuất: Xuất bán

Xuất tại kho: Công ty TNHH TM Ngọc Đức

Số TT	Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất SP, VTHH	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4=1x2
01	Giấy in Plus A4		Hộp	25	25	52.300	1.307.500
Cộng: 1.307.500							
Tổng số tiền: (viết bằng chữ) Một triệu ba trăm linh bảy nghìn năm trăm đồng chẵn.							

Ngày 31 tháng 10 năm 2011

**Người lập**  
(Ký, họ tên)

**Người giao hàng**  
(Ký, họ tên)

**Thủ kho**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại Ngọc Đức\_2011)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu 2.6**

**CÔNG TY TNHH TM NGỌC ĐỨC**  
63 Hàng Kênh Lê Chân Hải Phòng

**Mẫu số S03a\_DNN**  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số tiền	
	Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
....	.....	....	.....	....	.....	.....
21/10	21/10	UNC 123	Trả tiền hàng công ty TNHH Kim Khánh	331	120.000.000	
				635	60.000	
				133	6.000	
				112		120.066.000
...	....	.....	.....	....	.....	.....
30/10	30/10	PT 088/10	Thu tiền hàng của công ty TNHH Minh Đăng	111	7.200.000	
				131		7.200.000
31/10	31/10	PC077/10	Chi tiền điện thoại văn phòng	642	1.150.560	
				133	115.056	
				111		1.265.616
...	....	.....	.....	....	.....	.....
31/10	31/10	HĐ GTGT 0079763	Bán giấy in cho c.ty thép Việt Úc	111	1.553.750	
				5111		1.412.500
				3331		141.250
<b>31/10</b>	<b>31/10</b>	<b>PXK80/10</b>	<b>Xuất bán hàng cho Việt Úc</b>	<b>632</b>	<b>1.307.500</b>	
				<b>156</b>		<b>1.307.500</b>
31/10	31/10	PBN 1034	Trả lãi ngân hàng	635	485.932	
				112		485.932
...	....	.....	.....	....	.....	.....
			<b>Cộng PS</b>		<b>73.963.373.064</b>	<b>73.963.373.064</b>

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011  
**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại Ngọc Đức\_2011)



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu 2.7**

**CÔNG TY TNHH TM NGỌC ĐỨC**  
**63 Hàng Kênh Lê Chân Hải Phòng**

**Mẫu số S03b\_DNN**  
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)*

## SỔ CÁI

**Số hiệu TK: 632**

**Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán**  
**Năm 2011**

*Đơn vị tính: VND*

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Dư đầu năm</b>			
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/10	PXK35/10	27/10	Bán giấy in Plus A4 cho BIDV Hải Phòng	156	523.000	
31/10	PXK36/10	27/10	Bán giấy in Plus A4 cho Minh Tân	156	784.500	
31/10	PXK37/10	27/10	Bán giấy in Bãi Bằng A3 cho khách lẻ	156	795.000	
31/10	PXK38/10	28/10	Bán giấy in Plus A4 cho CP Đình Anh	156	5.230.000	
31/10	PXK39/10	28/10	Bán mực ricoh cho công ty Lan Anh	156	1.472.000	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/10	PXK79/10	31/10	Bán máy đóng sách cho cửa hàng photo Kim Khánh	156	1.025.000	
<b>31/10</b>	<b>PXK80/10</b>	<b>31/10</b>	<b>Bán giấy in Plus cho công ty thép Việt Úc</b>	<b>156</b>	<b>1.307.500</b>	
31/10	PKT02/10	31/10	Kết chuyển giá vốn	911		739.233.905
.....	....	....	.....	.....	.....	.....
			<b>Cộng SPS</b>		<b>9.907.964.948</b>	<b>9.907.964.948</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

**Kế toán**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*

**Giám đốc**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại Ngọc Đức\_2011)*

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu 2.8**

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NGỌC ĐỨC**  
63 Hàng Kênh Lê Chân Hải Phòng

**Mẫu số S18\_DNN**  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

### **SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

**TK: 632 – 63211**

**Tên sản phẩm: Giấy in Plus A4**

**Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/10/2011**

*Đơn vị tính: VND*

<i>Chứng từ</i>		<i>Diễn giải</i>	<i>TK đối ứng</i>	<i>Giá vốn hàng bán</i>			
<i>SH</i>	<i>NT</i>			<i>Số lượng</i>	<i>Đơn giá</i>	<i>Thành tiền</i>	
						<i>Nợ</i>	<i>Có</i>
.....	...	.....	...	...	...	....	....
PXK35/10	27/10	Bán cho BIDV Hải Phòng	156	10	52.300	523.000	523.000
PXK36/10	27/10	Bán cho cửa hàng Minh Tân	156	15	52.300	784.500	784.500
PXK38/10	28/10	Bán cho công ty CP Đình Anh	156	100	52.300	5.230.000	5.230.000
.....	....	.....	...	...	...	....	....
<b>PXK80/10</b>	<b>31/10</b>	<b>Bán cho công ty thép Việt Úc</b>	<b>156</b>	<b>25</b>	<b>52.300</b>	<b>1.307.500</b>	<b>1.307.500</b>
.....	....	.....	...	...	...	....	....
		<b>Cộng</b>		<b>6.540</b>		<b>254.625.300</b>	<b>254.625.300</b>

**Người ghi sổ**

*(Ký, họ tên)*

*(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại Ngọc Đức\_2011)*

*Ngày 31 tháng 10 năm 2011*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu 2.9**

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NGỌC ĐỨC**  
**63 Hàng Kênh Lê Chân Hải Phòng**

### **BẢNG TỔNG HỢP GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

**TK: 632 -6321**

**Tên sản phẩm: Giấy**

**Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/10/ 2011**

*Đơn vị tính: VND*

<i>STT</i>	<i>Số hiệu tài khoản</i>	<i>Tên sản phẩm</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Số tiền</i>		<i>Ghi chú</i>
				<i>Nợ</i>	<i>Có</i>	
<b>1</b>	<b>63211</b>	<b>Giấy in plus A4</b>	<b>6.540</b>	<b>254.625.300</b>	<b>254.625.300</b>	
2	63212	Giấy photo Paper one A4	3.156	113.226.700	113.226.700	
3	63213	Giấy in Bãi Bằng A4	3.472	125.789.600	125.789.600	
4	63214	Giấy in màu Indo A4	842	54.789.500	54.789.500	
...	....	.....	....	.....	.....	
		<b>Cộng</b>	<b>18.168</b>	<b>626.671.413</b>	<b>626.671.413</b>	

*Ngày 31 tháng 10 năm 2011*

**Người ghi sổ**  
*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**  
*(Ký, họ tên)*

*(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại Ngọc Đức\_2011)*

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NGỌC ĐỨC  
63 Hàng Kênh Lê Chân Hải Phòng

Biểu 2.10

### BẢNG TỔNG HỢP GIÁ VỐN HÀNG BÁN

TK: 632

Tên sản phẩm: Giá vốn hàng bán  
Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/10/2011

Đơn vị tính: VND

STT	Số hiệu tài khoản	Tên sản phẩm	Số tiền		Ghi chú
			Nợ	Có	
1	6321	Giấy	626.671.413	626.671.413	
2	6322	Bút	5.650.400	5.650.400	
3	6323	Mực	37.430.200	37.430.200	
4	6324	Máy móc thiết bị văn phòng	32.924.152	32.924.152	
5	6325	Văn phòng phẩm khác	36.557.740	36.557.740	
		<b>Tổng cộng</b>	<b>739.233.905</b>	<b>739.233.905</b>	

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 10 năm 2011

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại Ngọc Đức\_2011)

**2.2.2.3 Thực trạng kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty TNHH Thương mại Ngọc Đức.**

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh năm 2011 của công ty TNHH TM Ngọc Đức là từ hoạt động gửi tiền vào tài khoản ngân hàng, hưởng chiết khấu thanh toán do thanh toán sớm.

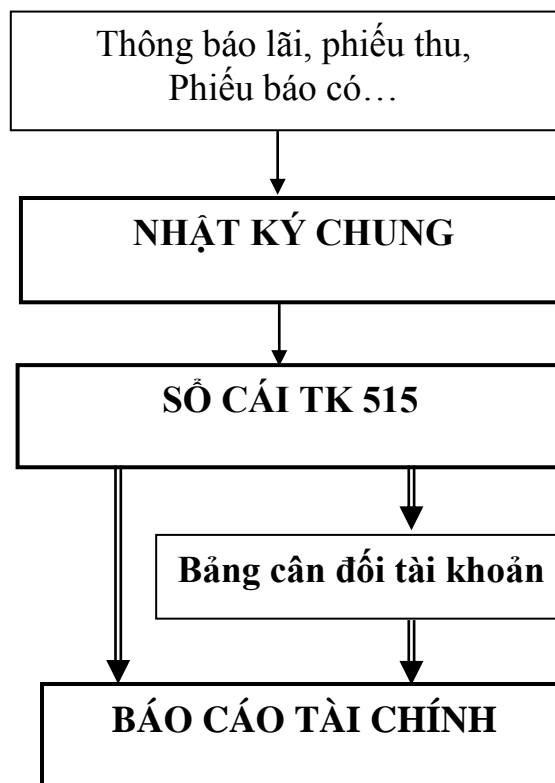
**+ Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu báo có
- Sao kê tài khoản ngân hàng
- Phiếu thu
- Phiếu kế toán

**+ Tài khoản sử dụng:**

- TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính
- Và các TK liên quan: TK 112...

**+ Quy trình luân chuyển chứng từ**



Sơ đồ 2.7. Quy trình luân chuyển chứng từ, sổ sách kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty TNHH thương mại Ngọc Đức

**Ghi chú:**

- ✓ Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$
- ✓ Ghi cuối tháng:  $\Longrightarrow$

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản 515.

- Cuối quý, cuối năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối tài khoản, được dùng để lập Báo cáo tài chính.

### Ví dụ minh họa 2 :

Ngày 31/10/2011 công ty nhận được phiếu báo có số 1211 về khoản lãi tiền gửi ngân hàng Vietcombank được hưởng, số tiền là 625.300 đồng.

	<b>VIETCOMBANK</b>	<b>NGÂN HÀNG CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM</b>						
<b>PHIẾU BÁO CÓ</b>								
		<b>Số/ Seq No : 1211</b>						
		<b>Ngày/date : 31/10/2011</b>						
Kính gửi : Công ty TNHH TM Ngọc Đức	Số tài khoản : 0231000076382							
Địa chỉ : 63 Hàng Kênh Lê Chân HP	Loại tiền : VND							
Mã số thuế: 0200777844	Loại tài khoản: TIEN GUI THANH TOAN							
Số ID khách hàng: 20427595	Số bút hạch toán: 1002082658615-200900195							
<b>Chúng tôi xin thông báo đã ghi Có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:</b>								
<table border="1"><thead><tr><th>Nội dung</th><th>Số tiền</th></tr></thead><tbody><tr><td>Trả lãi tiền gửi</td><td>625,300.00</td></tr><tr><td>Tổng số tiền</td><td>625,300.00</td></tr></tbody></table>			Nội dung	Số tiền	Trả lãi tiền gửi	625,300.00	Tổng số tiền	625,300.00
Nội dung	Số tiền							
Trả lãi tiền gửi	625,300.00							
Tổng số tiền	625,300.00							
Số tiền bằng chữ	: <b>Sáu trăm hai mươi lăm nghìn ba trăm đồng VND chẵn</b>							
Trích yếu	: Trả lãi số dư trên tài khoản - tháng 10/2011							
<i>Lập phiếu</i>	<i>Kiểm soát</i>	<i>Kế toán trưởng</i>						

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu 2.11**

**CÔNG TY TNHH TM NGỌC ĐỨC**  
**63 Hàng Kênh Lê Chân Hải Phòng**

**Mẫu số S03a\_DNN**  
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)*

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG

**Năm 2011**

*Đơn vị tính: VND*

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số tiền	
	Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
....	.....	....	.....	....	.....	.....
17/10	17/10	PT 024/10	Chiết khấu thanh toán được hưởng từ công ty Bãi Bằng	111 515	1.364.500	1.364.500
....	.....	.....	.....	....	.....	.....
30/10	30/10	PT 088/10	Thu tiền hàng của công ty TNHH Minh Đăng	111 131	7.200.000	7.200.000
31/10	31/10	PC077/10	Chi tiền điện thoại văn phòng	642 133 111	1.150.560 115.056	1.265.616
31/10	31/10	HĐ GTGT 0079763	Bán giấy in Plus A4 cho c.ty thép Việt Úc	111 5111 3331	1.553.750	1.412.500 141.250
31/10	31/10	PXK80/10	Xuất bán hàng cho Việt Úc	632 156	1.307.500	1.307.500
31/10	31/10	PBC 1211	Lãi tiền gửi Ngân hàng Vietcombank	112 515	625.300	625.300
...	.....	.....	.....	....	.....	.....
			<b>Cộng PS</b>		<b>73.963.373.064</b>	<b>73.963.373.064</b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*

**Người ghi sổ**  
*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**  
*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**  
*(Đóng dấu, ký, họ tên)*

*(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại Ngọc Đức\_2011)*

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu 2.12**

**CÔNG TY TNHH TM NGỌC ĐỨC**  
**63 Hàng Kênh Lê Chân Hải Phòng**

**Mẫu số S03b\_DNN**  
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)*

## SỔ CÁI

Số hiệu TK: 515

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Năm 2011

*Đơn vị tính: VND*

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Dư đầu năm</b>			
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
17/10	PT 024/10	17/10	Chiết khấu thanh toán được hưởng từ công ty Bãi Bằng	111		1.364.500
....	....	...	.....	.....	.....	.....
<b>31/10</b>	<b>PBC 1211</b>	<b>31/10</b>	<b>Lãi tiền gửi Ngân hàng Vietcombank</b>	<b>112</b>		<b>625.300</b>
31/10	PKT 01/10	31/10	Kết chuyển DT hoạt động tài chính	911	8.816.850	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Cộng SPS</b>		<b>39.351.650</b>	<b>39.351.650</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*

**Kế toán**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Giám đốc**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại Ngọc Đức\_2011)*



**2.2.2.4. Thực trạng kế toán chi phí tài chính tại công ty TNHH Thương mại Ngọc Đức.**

Chi phí hoạt động tài chính của công ty chủ yếu là lãi vay ngân hàng, vay các tổ chức đối tượng khác. Hàng tháng công ty nhận được Phiếu báo nợ của Ngân hàng về lãi phải trả làm căn cứ để viết sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 635,112...

**+ Chứng từ kế toán sử dụng**

- Phiếu báo nợ
- Sao kê chi tiết tài khoản của Ngân hàng
- Sổ kế toán chi tiết của Ngân hàng

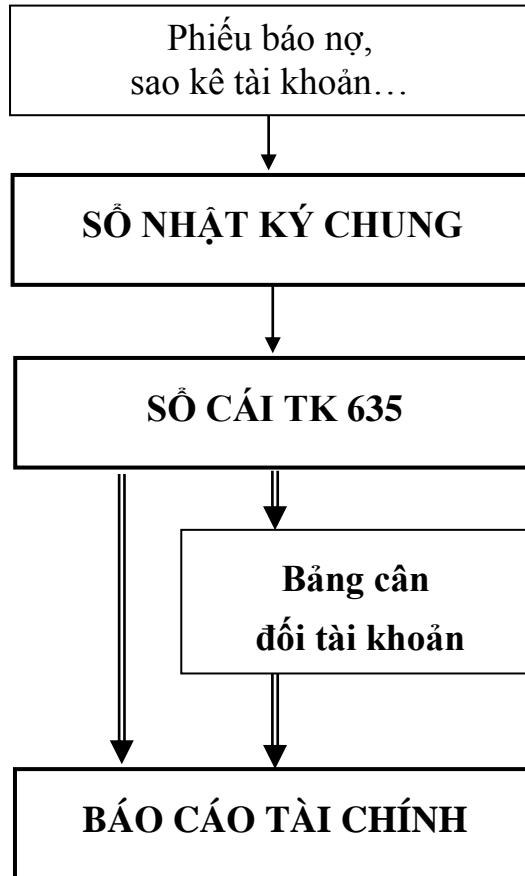
Và các chứng từ khác có liên quan

**+ Tài khoản kế toán sử dụng**

TK 635 - chi phí hoạt động tài chính

Và các tài khoản khác liên quan: TK 112

**✚ Quy trình luân chuyển chứng từ**



Sơ đồ 2.8. Quy trình luân chuyển chứng từ, sổ sách kế toán chi phí tài chính tại công ty TNHH thương mại Ngọc Đức

**Ghi chú:**

- ✓ Ghi hàng ngày:             $\longrightarrow$
- ✓ Ghi cuối tháng:            $\Longrightarrow$

- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản 635.

- Cuối quý, cuối năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối tài khoản, được dùng để lập Báo cáo tài chính.

**Ví dụ minh họa 3:**

Ngày 21/10/2011 trả tiền mua giấy in Công ty TNHH Kim Khánh 120.000.000 đồng. phí chuyển tiền 60.000 đồng, chưa VAT 10%.

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



VIETCOMBANK

ỦY NHIỆM CHI – PAY MENT Số:.....123.....

Ngày(date)...21/10 /2011.....

## **ĐỀ NGHỊ GHI NỢ TÀI KHOẢN** (please debit account)

SỐ TK( A/CNo.): 0231000076382

TÊN TK (A/C Name): C.ty TNHH TM Ngọc Đức

ĐỊA CHỈ(A/C Adress): 63- Hàng Kênh- Lê Chân- HP

TẠI N.H( With bank): N.H TMCP Ngoại thương VN

## **SỐ TIỀN**( With amount)

**BẰNG SỐ( In figures): 120.000.000 VNĐ**

**BẰNG CHỮ( In word): một trăm hai mươi triệu đồng chẵn**

**PHÍ: 60.000 VNĐ VAT 10%: 6.000VNĐ**

## **PHÍ NH( Bank charge)**

**Phí trong**   
Charge Included

**Phí ngoài**   
Charge Excluded

## **VÀ GHI CÓ TÀI KHOẢN** (&Credit account)

SỐ TK( A/CNo.): 012347893321984

TÊN TK (A/C Name): Công ty TNHH Kim Khánh

ĐỊA CHỈ(A/C Adress): 145Hồng Bàng-Ngô Quyền-HP

TẠI N.H( With bank): VIB ngân hàng quốc tế

**NỘI DUNG**( deetails of payment): trả tiền hàng người bán.....

**Kế toán trưởng ký**  
Chief Accountant

**Chủ TK ký, đóng dấu**  
Acc. Holer & stamp

**DÀNH CHO NGÂN HÀNG( For bank's Use Only) MÃ VAT**

Thanh toán viên

Kiểm soát

Giám đốc

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu 2.13**

**CÔNG TY TNHH TM NGỌC ĐỨC**  
63 Hàng Kênh Lê Chân Hải Phòng

Mẫu số S03a\_DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số tiền	
	Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
....	.....	....	.....	....	.....	....
21/10	21/10	UNC123	Trả tiền hàng công ty TNHH Kim Khánh	331	120.000.000	
				635	60.000	
				133	6.000	
				112		120.066.000
....	.....	.....	.....	....	.....	.....
31/10	31/10	PC077/10	Chi tiền điện thoại văn phòng	642	1.150.560	
				133	115.056	
				111		1.265.616
31/10	31/10	HĐ GTGT 0079763	Bán giấy in Plus A4 cho c.ty thép Việt Úc	111	1.553.750	
				5111		1.412.500
				3331		141.250
31/10	31/10	P XK80/10	Xuất bán hàng cho Việt Úc	632	1.307.500	
				156		1.307.500
31/10	31/10	PBN1034	Trả lãi tiền gửi Ngân hàng	635	485.932	
				112		485.932
...	.....	.....	.....	....	.....	.....
			<b>Cộng PS</b>		<b>73.963.373.064</b>	<b>73.963.373.064</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại Ngọc Đức\_2011)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu 2.14**

**CÔNG TY TNHH TM NGỌC ĐỨC**  
**63 Hàng Kênh Lê Chân Hải Phòng**

**Mẫu số S03b\_DNN**  
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)*

## SỔ CÁI

Số hiệu TK: 635

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Năm 2011

*Đơn vị tính: VND*

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Dư đầu năm</b>			
....	....	....	.....	.....	.....	.....
<b>21/10</b>	<b>UNC123</b>	<b>21/10</b>	<b>Phí chuyển tiền NH Vietcombank</b>	<b>112</b>	<b>60.000</b>	
....	....	....	.....	.....	.....	.....
31/10	PBN1034	31/10	Trả lãi tiền gửi Ngân hàng	112	485.932	
31/10	PKT 02/10	31/10	Kết chuyển chi phí tài chính	911		1.890.600
....	....	....	.....	.....	.....	.....
			<b>Cộng SPS</b>		<b>24.577.670</b>	<b>24.577.670</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*

**Kế toán**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Giám đốc**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại Ngọc Đức\_2011)*

### 2.2.2.5 Thực trạng kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty TNHH

#### *Thương mại Ngọc Đức.*

Chi phí quản lý kinh doanh dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí quản lý kinh doanh của công ty bao gồm các khoản sau:

- Chi phí lương phân bổ cho bộ phận quản lý và bộ phận bán hàng.
- Chi phí khấu hao tài sản cố định.
- Chi phí mua ngoài bao gồm: Chi phí vận chuyển bốc xếp, tiền điện, nước, điện thoại phục vụ công tác bán hàng. Chi phí xăng dầu, cầu đường, công tác phí, điện thoại... phục vụ công tác quản lý.
- Chi phí bằng tiền mặt khác: Các khoản chi không thuộc nội dung trên, được chi bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng hoặc tiền tạm ứng.
- Trường hợp chi phí phát sinh liên quan tới lô hàng bán theo phương thức vận chuyển thẳng thì mọi chi phí phát sinh liên quan đều ghi vào giá vốn thực tế của hàng vận chuyển đã bán.

#### **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Bảng tổng hợp thanh toán tiền lương
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ theo bộ phận
- Các chứng từ gốc có liên quan: Phiếu chi, Phiếu kế toán, Giấy tạm ứng...

#### **Tài khoản sử dụng:**

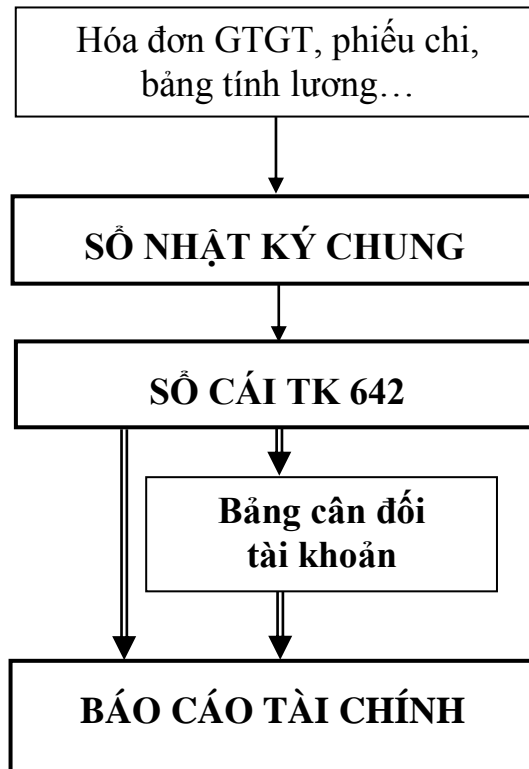
TK 642 và mở các TK chi tiết cho TK 642

TK 6421 - *Chi phí bán hàng*

TK 6422 - *Chi phí quản lý doanh nghiệp*

Các TK liên quan: TK 111, 112, 131, 133, ..

Quy trình luân chuyển chứng từ



Sơ đồ 2.9. Quy trình luân chuyển chứng từ, sổ sách kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty TNHH thương mại Ngọc Đức

**Ghi chú:**

- ✓ Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$
- ✓ Ghi cuối tháng:  $\Longrightarrow$

- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản 642.

- Cuối quý, cuối năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối tài khoản, được dùng để lập Báo cáo tài chính.

**Ví dụ minh họa 4:**

Ngày 31/10/2011, chi tiền điện thoại bộ phận bán hàng 1.265.616 đồng

Ngày 31/10/2011, chi tiền tiếp khách phục vụ quản lý : 2.255.000 đồng

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



**HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)  
TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)  
Liên 2: Giao khách hàng**

**Mẫu số: 01GTKT-2LN-03  
Ký hiệu: AC/11P  
Số: 0545968**

Mã số:

TT Dịch vụ khách hàng – VTHP - Số 4 Lạch Tray

Tên khách hàng (customer's name): Công ty TNHH thương mại Ngọc Đức.

Địa chỉ (address): 63 – Hàng Kênh – Lê Chân - Hải Phòng.....

Số điện thoại (tell): 0313.854621.....Mã số (code).....

Hình thức thanh toán (kind of payment): TM/CK.....

Dịch vụ sử dụng (kind of service)	Thành tiền (amount)
KỶ HÓA ĐƠN THÁNG 10/2011	
a, Cước dịch vụ viễn thông	1.150.560
b, Cước dịch vụ viễn thông không thuế	0
c, Chiết khấu + đa dịch vụ	0
d, Khuyến mại	0
e, Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ	0
(a+b+c+d) Cộng tiền dịch vụ(1)	1.150.560
Thuế suất GTGT : 10% Tiền thuế GTGT (2)	115.056
(1+2+ e) Tổng cộng tiền thanh toán	1.265.616

Số tiền viết bằng chữ: *Một triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng chẵn.*

*Ngày..31...tháng 10...năm ..2011...*

*Người nộp tiền ký*

*Nhân viên giao dịch ký*



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**CÔNG TY TNHH TM NGỌC ĐỨC**  
**63 Hàng Kênh Lê Chân Hải Phòng**

**Mẫu số 02-TT**  
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

### PHIẾU CHI

*Ngày 31 tháng 10 năm 2011*

Số: 077/10  
Nợ 642: 1.150.560 đ  
Nợ 133: 115.056 đ  
Có 111: 1.265.616 đ

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Mai Phương

Địa chỉ: Phòng kế toán.

Lý do : Chi tiền điện thoại văn phòng.

Số tiền: 1.265.616 VND ( viết bằng chữ) *một triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng chẵn.*

Kèm theo: 01 Chứng từ gốc.

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Một triệu triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng chẵn..*

*Ngày 31 tháng 10 năm 2011*

<b>Thủ trưởng đơn vị</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>Thủ quỹ</b>	<b>Người nhận tiền</b>
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

*(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại Ngọc Đức\_2011)*

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

<b>HOÁ ĐƠN</b>			Mẫu số: 01GTKT -3LL			
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			<b>QU/11B</b>			
<b>Liên 2: Giao khách hàng</b>			<b>Số: 0002177</b>			
Ngày 31 tháng 10 năm 2011						
Đơn vị bán hàng: ... Công ty TNHH Hưng Thịnh.....						
Địa chỉ: ..... 18 Trần Phú - Hải Phòng.....						
Số tài khoản: .....						
Điện thoại: ..... MS: <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>						
Họ tên người mua hàng: ..... Anh Nguyễn Thế Vinh.....						
Tên đơn vị : ..... CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NGỌC ĐỨC .....						
Địa chỉ: ..... 63 Hàng Kênh- Lê Chân- Hải Phòng .....						
Số tài khoản: .....0231000076382_ tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam...						
Hình thức thanh toán: ..Tiền mặt... MS: <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>						
TT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
1	2	3	4	5	6=4x5	
01	Chi phí tiếp khách				2.050.000	
					Cộng tiền hàng: 2.050.000	
Thuế suất GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT: 205.000		
					Tổng cộng thanh toán: 2.255.000	
Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu hai trăm lăm mươi lăm nghìn đồng chẵn/.						
Ngày 31 tháng 10 năm 2011						
<b>Người mua hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)			<b>Người bán hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)			
(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại Ngọc Đức_ 2011)						

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**CÔNG TY TNHH TM NGỌC ĐỨC**  
**63 Hàng Kênh Lê Chân Hải Phòng**

**Mẫu số 02-TT**  
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

## PHIẾU CHI

*Ngày 31 tháng 10 năm 2011*

Số: 076/10  
Nợ 642: 2.050.000 đ  
Nợ 133: 205.000 đ  
Có 111: 2.255.000 đ

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Văn Định

Địa chỉ: Công ty TNHH Hưng Thịnh

Lý do : Chi tiền tiếp khách

Số tiền: 2.255.000 VND ( viết bằng chữ) Hai triệu hai trăm lăm mươi lăm nghìn đồng chẵn/.

Kèm theo: 01 Chứng từ gốc.

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Hai triệu hai trăm lăm mươi lăm nghìn đồng chẵn/.

*Ngày 31 tháng 10 năm 2011*

<b>Thủ trưởng đơn vị</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>Thủ quỹ</b>	<b>Người nhận tiền</b>
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

*(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại Ngọc Đức\_2011)*

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**Biểu 2.15**

**CÔNG TY TNHH TM NGỌC ĐỨC**  
63 Hàng Kênh Lê Chân Hải Phòng

**Mẫu số: 06 - TSCĐ**  
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC  
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO**  
Tháng 10 năm 2011

*Đơn vị tính: VND*

STT	Chi tiêu	Tỷ lệ KH % / Tg sử dụng	Nơi sử dụng		Tài khoản 642- chi phí quản lí kinh doanh
			Toàn DN NG	Số khấu hao	
A	B	1	2	3	4
01	I-Số KH tháng trước		<b>1.552.410.760</b>	<b>6.993.867</b>	<b>6.993.867</b>
	- Xe ô tô hiệu INOVA	10	403.072.539	3.358.937	3.358.937
	-Máy tính sách tay VAIO	4	26.838.700	559.140	559.140
	-Máy điều hòa Mitsubitshi	3	12.545.455	348.485	348.485
	- Máy phát điện	5	12.952.380	215.873	215.873
	-Máy photo Toshiba	3	22.500.000	625.000	625.000
	.....	.....	.....	.....	.....
02	II-Số KH TSCĐ tăng trong tháng	<b>10</b>	<b>200.000.000</b>	<b>1.666.667</b>	<b>1.666.667</b>
	-Xe ô tô tải Vinaxuki	<b>10</b>	<b>200.000.000</b>	<b>1.666.667</b>	<b>1.666.667</b>
03	III-Số KH TSCĐ giảm trong tháng				
04	IV- số KH TSCĐ trích tháng này (IV=I+II-III)		<b>1.752.410.760</b>	<b>8.660.534</b>	<b>8.660.534</b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*

**Kế toán**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại Ngọc Đức\_2011)*

**Giám đốc**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu 2.16**

**CÔNG TY TNHH TM NGỌC ĐỨC**  
**63 Hàng Kênh Lê Chân Hải Phòng**

**Mẫu số: 11 - LĐTL**  
*(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC*  
*Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

## **BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI**

**Tháng 10 năm 2011**

*Đơn vị tính: VND*

S T T	Đối tượng sử dụng (Ghi Nợ các TK)	Ghi Có TK								
		TK 334 – phải trả người lao động			Tài khoản 338 – phải trả, phải nộp khác					Tổng cộng
		Lương thời gian	Các khoản khác	Cộng có TK 334	KPCĐ 3382	BHXH 3383	BHYT 3384	BHTN 3389	Cộng có TK 338	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	10
1	TK 642- Chi phí QLKD	49.583.539	6.487.720	56.071.259	1.121.425	7.933.366	1.487.506	495.835	11.038.132	67.109.391
	- TK 6421- CPBH	14.445.878	2.375.500	16.821.378	336.428	2.311.340	433.376	144.459	3.225.603	20.046.981
	- TK 6422- CPQLDN	35.137.661	4.112.220	39.249.881	784.997	5.622.026	1.054.130	351.377	7.812.530	47.062.411
2	TK 334- phải trả người lao động					2.975.012	743.753	495.835	4.214.600	4.214.600
<b>Cộng</b>		<b>49.583.539</b>	<b>6.487.720</b>	<b>56.071.259</b>	<b>1.121.425</b>	<b>10.908.378</b>	<b>2.231.259</b>	<b>991.670</b>	<b>15.252.732</b>	<b>71.323.991</b>

*Ngày 31 tháng 10 năm 2011*

**Người lập bảng**  
*(Ký, họ tên)*

**Kế toán**  
*(Ký, họ tên)*

*(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại Ngọc Đức\_2011)*

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu 2.17**

**CÔNG TY TNHH TM NGỌC ĐỨC**  
63 Hàng Kênh Lê Chân Hải Phòng

**Mẫu số S03a\_DNN**  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số tiền	
	Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
...	.....	....	.....	.....	.....	.....
31/10	31/10	PC076/10	Chi tiền tiếp khách	642	2.050.000	
				133	205.000	
				111		2.255.000
31/10	31/10	PC077/10	Chi tiền điện thoại văn phòng	642	1.150.560	
				133	115.056	
				111		1.265.616
31/10	31/10	BTLL T10	Tiền lương trả cán bộ công nhân viên	642	56.071.259	
				334		56.071.259
31/10	31/10	BTLL T10	Trích các khoản theo lương	642	11.038.132	
				334	4.214.600	
				338		15.252.732
31/10	31/10	PC089/10	Trả lương nhân viên	334	51.856.659	
				111		51.856.659
31/10	31/10	KHTS/10	Tính khấu hao TSCĐ Tháng 10	642	8.660.534	
				214		8.660.534
...	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Cộng PS</b>		<b>73.963.373.064</b>	<b>73.963.373.064</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại Ngọc Đức\_2011)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu 2.18**

**CÔNG TY TNHH TM NGỌC ĐỨC**  
63 Hàng Kênh Lê Chân Hải Phòng

**Mẫu số S03b\_DNN**  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng)

## **SỔ CÁI**

Số hiệu TK: 642

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh  
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Dư đầu năm</b>			
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/10	GĐĐ 09	31/10	Chi phí công tác Hà Nội	111	300.000	
31/10	PC076/10	31/10	Chi phí tiền tiếp khách	111	2.050.000	
31/10	PC077/ 10	31/10	Chi tiền điện thoại văn phòng	111	1.925.616	
31/10	BTLL T10	31/10	Tiền lương trả cán bộ công nhân viên	334	56.071.259	
31/10	BTLL T10	31/10	Trích các khoản theo lương	338	11.038.132	
31/10	KHTS/10	31/10	Tính khấu hao TSCĐ Tháng 10	214	8.660.534	
31/10	PKT02/10	31/10	Kết chuyển chi phí QLKD	911		63.457.240
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Cộng SPS</b>		<b>695.486.885</b>	<b>695.486.885</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Kế toán**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại Ngọc Đức\_2011)

**2.2.2.6. Thực trạng Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại Ngọc Đức.**

**2.2.2.6.1 . Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Sau khi tập hợp chi phí, doanh thu, xác định doanh nghiệp có lãi, kế toán doanh nghiệp tiến hành xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Năm 2011, công ty áp dụng thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%

$$\begin{array}{rcccl} \text{Chi phí thuế} & & \text{Lợi nhuận kế} & & \text{Thuế suất thuế} \\ \text{TNDN} & = & \text{toán trước thuế} & \times & \text{TNDN} \end{array}$$

**✚ Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu kế toán

*Cách lập phiếu kế toán:* Cuối kì tập hợp số liệu từ các sổ sách kế toán có liên quan lập phiếu kế toán hạch toán các bút toán kết chuyển và xác định kết quả kinh doanh.

**✚ Tài khoản sử dụng:**

- TK 821: “ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”
- TK 3334: “ Thuế thu nhập doanh nghiệp”

Và các tài khoản khác liên quan

**2.2.2.6.2 Kế toán xác định kết quả kinh doanh**

**✚ Chứng từ kế toán sử dụng**

- Phiếu kế toán

**✚ Tài khoản sử dụng.**

TK 911: “Xác định kết quả kinh doanh”

TK 421: “Lợi nhuận chưa phân phối”



### Quy trình luân chuyển chứng từ



Sơ đồ 2.10. Quy trình luân chuyển chứng từ, sổ sách kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại Ngọc Đức

#### Ghi chú:

✓ Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$

✓ Ghi cuối năm:  $\Longrightarrow$

Cuối mỗi tháng, kế toán tiến hành tập hợp doanh thu, chi phí, kết chuyển sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh:

+ Nếu ( Tổng doanh thu, thu nhập – Tổng chi phí) > 0 ( Bên Nợ TK 911 < Bên Có TK 911)

$\Rightarrow$  Công ty có lãi, Số chênh lệch được kết chuyển sang bên có của TK 421.

+ Nếu ( Tổng doanh thu, thu nhập – Tổng chi phí) = 0 ( Bên Nợ TK 911 = Bên Có TK 911)

$\Rightarrow$  Công ty hòa vốn.

+ Nếu ( Tổng doanh thu, thu nhập - Tổng chi phí) < 0 ( Bên Nợ TK 911 > Bên Có TK 911)

$\Rightarrow$  Công ty bị lỗ, số chênh lệch chuyển sang bên Nợ của TK 421.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu 2.19**

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NGỌC ĐỨC**  
**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 10 năm 2011

Số: 01/10

*Đơn vị tính: VND*

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TK Nợ</b>	<b>TK Có</b>	<b>Số tiền</b>
1	K/c doanh thu bán hàng	511	911	822.145.448
2	K/c doanh thu hoạt động tài chính	515	911	8.816.850
	<b>Tổng</b>			<b>830.962.298</b>

*Ngày 31 tháng 10 năm 2011*

**Người lập phiếu**

*(Ký, họ tên)*

**Biểu 2.20**

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NGỌC ĐỨC**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 10 năm 2011

Số: 02/10

*Đơn vị tính: VND*

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TK Nợ</b>	<b>TK Có</b>	<b>Số tiền</b>
1	K/c giá vốn hàng bán	911	632	739.233.905
2	K/c chi phí tài chính	911	635	1.890.600
3	K/c chi phí quản lý kinh doanh	911	642	73.457.240
4	Thuế TNDN phải nộp	821	3334	4.095.138
5	K/c chi phí thuế TNDN	911	821	4.095.138
6	K/c lợi nhuận sau thuế	911	421	12.285.415
	<b>Tổng</b>			<b>830.962.298</b>

*Ngày 31 tháng 10 năm 2011*

**Người lập phiếu**

*(Ký, họ tên)*

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu 2.21**

**CÔNG TY TNHH TM NGỌC ĐỨC**  
**63 Hàng Kênh Lê Chân Hải Phòng**

**Mẫu số S03a\_DNN**  
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)*

## **SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

**Năm 2011**

*Đơn vị tính: VND*

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số tiền	
	Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/10	31/10	PKT01/10	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	822.145.448	
				911		822.145.448
31/10	31/10	PKT01/10	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	8.816.850	
				911		8.816.850
31/10	31/10	PKT02/10	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	739.233.905	
				632		739.233.905
31/10	31/10	PKT02/10	Kết chuyển chi phí tài chính	911	1.890.600	
				635		1.890.600
31/10	31/10	PKT02/10	Kết chuyển chi phí QLKD	911	73.457.240	
				642		73.457.240
31/10	31/10	PKT02/10	Xác định thuế TNDN phải nộp	821	4.095.138	
				3334		4.095.138
31/10	31/10	PKT02/10	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	4.095.138	
				821		4.095.138
31/10	31/10	PKT02/10	Lợi nhuận chưa phân phối	911	12.285.415	
				421		12.285.415
...	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Cộng PS</b>		<b>73.963.373.064</b>	<b>73.963.373.064</b>

**Người ghi sổ**  
*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**  
*(Ký, họ tên)*

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*

**Giám đốc**  
*(Ký, họ tên)*

*(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại Ngọc Đức\_2011)*

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu 2.22**

**CÔNG TY TNHH TM NGỌC ĐỨC**  
**63 Hàng Kênh Lê Chân Hải Phòng**

**Mẫu số S03a\_DNN**  
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng*

## **SỔ CÁI**

**Số hiệu TK: 911**

**Tên TK: Xác định kết quả kinh doanh**  
**Năm 2011**

*Đơn vị tính: VND*

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Dư đầu năm</b>			
.....	.....	.....	.....	...	.....	....
31/10	PKT 01/10	31/10	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		822.145.448
31/10	PKT 01/10	31/10	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		8.816.850
31/10	PKT 02/10	31/10	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	739.233.905	
31/10	PKT 02/10	31/10	Kết chuyển chi phí tài chính	635	1.890.600	
31/10	PKT 02/10	31/10	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	642	73.457.240	
31/10	PKT 02/10	31/10	Kết chuyển thuế TNDN	821	4.095.138	
31/10	PKT 02/10	31/10	Lợi nhuận chưa phân phối	421	12.285.415	
.....	.....	.....	.....	...	.....	
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>10.707.897.780</b>	<b>10.707.897.780</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

**Kế toán**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*  
**Giám đốc**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại Ngọc Đức\_2011)*

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu 2.23**

**CÔNG TY TNHH TM NGỌC ĐỨC**  
**63 Hàng Kênh Lê Chân Hải Phòng**

**Mẫu số S03b\_DNN**  
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng*

## **SỔ CÁI**

**Số hiệu TK: 421**

**Tên TK: Lợi nhuận chưa phân phối**

**Năm 2011**

*Đơn vị tính: VND*

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Dư đầu năm</b>			<b><u>30.261.330</u></b>
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/10	PKT 02/10	31/10	Kết chuyển lãi	911		12.285.415
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Cộng số phát sinh</b>			<b>99.835.340</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			<b><u>130.096.670</u></b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*

**Kế toán**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Giám đốc**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại Ngọc Đức\_2011)*

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu 2.24**

**CÔNG TY TNHH TM NGỌC ĐỨC**  
**63 Hàng Kênh Lê Chân Hải Phòng**

**Mẫu số S03b\_DNN**  
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)*

## SỔ CÁI

**Số hiệu TK: 821**

**Tên TK: Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp**

**Năm 2011**

*Đơn vị tính: VND*

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Dư đầu năm</b>			
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/10	PKT 02/10	31/10	Thuế TNDN nộp	3334	4.095.138	
31/10	PKT 02/10	31/10	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		4.095.138
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>33.278.447</b>	<b>33.278.447</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*

**Kế toán**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại Ngọc Đức\_2011)*

**Giám đốc**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu 2.25**

Mẫu số: B02-DNN

(Ban hành kèm theo Quyết định số

48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006

của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Người nộp thuế : Công ty TNHH thương mại Ngọc Đức

Mã số thuế

0 2 0 0 7 7 7 8 4 4

Địa chỉ trụ sở : 63 Hàng Kênh Hải Phòng

Quận, Huyện : Lê Chân

Điện thoại: 0313854621

Fax:

Tỉnh/Thành phố: Hải Phòng

Email:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Stt	Chỉ tiêu	Mã	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	10.721.791.640	9.727.566.640
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-
3	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>10.721.791.640</b>	<b>9.727.566.640</b>
4	Giá vốn hàng bán	11	9.907.964.948	9.181.459.290
5	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>	<b>813.826.692</b>	<b>546.107.350</b>
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	39.351.650	46.987.896
7	Chi phí hoạt động tài chính	22	24.577.670	18.987.500
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24	695.486.885	493.759.300
9	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 21 + 21 - 22 - 24)</b>	<b>30</b>	<b>133.113.787</b>	<b>80.348.446</b>
10	Thu nhập khác	31	-	-
11	Chi phí khác	32	-	-
12	<b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
13	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>133.113.787</b>	<b>80.348.446</b>
14	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	33.278.447	20.087.116
15	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>	<b>99.835.340</b>	<b>60.261.330</b>

Lập ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(Nguồn trích: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại Ngọc Đức\_2011)

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU  
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI NGỌC ĐỨC**

**3.1. Đánh giá những ưu nhược điểm trong tổ chức công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại Ngọc Đức**

Ngay từ khi mới thành lập công ty TNHH thương mại Ngọc Đức cũng đã có rất nhiều cố gắng và sự nỗ lực hết mình để có được chỗ đứng vững chắc trên thị trường. Trong nhiều năm qua công ty đã không ngừng vươn lên, quá trình hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp đã đạt được kết quả đáng khích lệ với hoạt động chủ yếu về kinh doanh các mặt hàng như: Giấy, mực in... Công ty đã không ngừng mở rộng về quy mô cả về bề rộng lẫn bề sâu, để đạt được trình độ quản lý như hiện nay và các kết quả đã có được trong thời gian qua thì đó lại là cả một quá trình phấn đấu không ngừng của ban lãnh đạo và tập thể công nhân viên của toàn công ty.

Việc vận dụng sáng tạo các quy luật kinh tế thị trường đồng thời thực hiện chủ trương cải tiến kinh tế và các chính sách kinh tế của đã đạt được những thành tựu đáng kể, hoàn thành nghĩa vụ đóng góp với Nhà nước, không ngừng nâng cao đời sống của cán bộ công nhân viên.

**3.1.1. Ưu điểm**

Nhìn chung công tác kế toán ở công ty đã dựa trên căn cứ khoa học, đặc điểm tình hình thực tế của công ty và vận dụng một cách sáng tạo chế độ kế toán tài chính hiện hành. Đảm bảo được tính thống nhất về mặt phạm vi, phương pháp kế toán các chỉ tiêu kinh tế giữa kế toán và các bộ phận khác liên quan.

**✚ Về tổ chức bộ máy kế toán**

Bộ máy kế toán tại công ty tổ chức theo mô hình tập trung hiện nay là khá phù hợp với yêu cầu của công việc và trình độ chuyên môn của từng người. Tuy chỉ có 5 thành viên kế toán nhưng vẫn đảm bảo việc kiểm tra đối chiếu số liệu giữa các phần hành. Thực hiện nghiêm túc với ngân sách Nhà nước về các khoản



## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

nộp. Tiến hành quản lý hạch toán với từng khách hàng, xác định được kết quả kinh doanh ở từng thời điểm cụ thể.

Mỗi nhân viên kế toán phụ trách và tự chịu trách nhiệm về phần hành kế toán được giao nhưng tất cả đều chịu sự chỉ đạo toàn diện, tập trung và thống nhất của kế toán trưởng. Kế toán trưởng có quyền hạn kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ của mỗi nhân viên đồng thời cũng phải chịu trách nhiệm trước những sai sót xảy ra trong quá trình hạch toán kế toán. Bên cạnh đó, các nhân viên trong phòng kế toán đều có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế cùng với tinh thần tận tâm, nhiệt tình trong công việc. Chính vì vậy nên tổ chức công tác kế toán trong công ty đã giảm thiểu được những gian lận, sai sót.


### **Về hình thức kế toán:**

Công ty áp dụng hình thức kế toán ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung do Bộ tài chính ban hành. Hình thức này áp dụng đối với những doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, nó có ưu điểm là dễ dàng trong phân công công tác kế toán. Công ty áp dụng phương pháp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

### **Về chứng từ kế toán và việc thực hiện quy trình luân chuyển chứng từ:**

Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng đúng theo mẫu của Bộ Tài Chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các chứng từ được lưu giữ, bảo quản cẩn thận. Kế toán phần hành nào thì lưu trữ chứng từ của phần hành đó, không chồng chéo lên nhau, nguyên tắc phân công, phân nhiệm rõ ràng.

Quá trình luân chuyển chứng từ diễn ra một cách hợp lý giữa các khâu. Kế toán Công ty đã tuân theo đúng trình tự ghi sổ kế toán của hình thức kế toán Nhật ký chung. Việc luân chuyển chứng từ được tiến hành một cách nhanh chóng và kịp thời.

 **Về hệ thống tài khoản sử dụng:** Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo quy định của Bộ Tài Chính( Hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC) về việc áp dụng chế độ, chuẩn mực kế toán mới,

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

thống nhất trên cả nước. Đồng thời trong quá trình hạch toán, Công ty phản ánh một cách chi tiết cụ thể, thuận tiện và phù hợp với yêu cầu quản lý và đặc điểm riêng của từng đơn vị.

### **📌 Về hệ thống sổ sách:**

Công ty sử dụng hình thức ghi sổ là “ Nhật ký chung”, hình thức này khá đơn giản lại phù hợp với mô hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Với sự lựa chọn này, Công ty đã mở một hệ thống sổ sách hoàn chỉnh, có độ tin cậy cao, đảm bảo sự chính xác trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thực tế của đơn vị, đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý và cung cấp thông tin một cách có hiệu quả.

Công ty sử dụng cả hai loại sổ là: Sổ tổng hợp và Sổ chi tiết cho một số tài khoản, để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

### **📌 Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

#### **- Về tổ chức công tác kế toán doanh thu**

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận giữa doanh thu và chi phí phát sinh. Việc theo dõi hạch toán doanh thu như hiện nay là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của công ty.

#### **- Về công tác kế toán chi phí:**

Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn phải quan tâm, cân nhắc và luôn muốn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí, làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đảm được tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

#### **- Về công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh:**

Công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời và chính xác. Việc ghi chép dựa trên căn cứ khoa học của chế độ kế toán hiện hành và tình

hình thực tế của công ty.

- **Việc hạch toán kê khai thuế được thực hiện khá chặt chẽ:**

Công ty thực hiện đúng, tính đủ số thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước. Đồng thời công ty sử dụng đầy đủ các mẫu kê khai tính thuế GTGT do nhà nước quy định.

### 3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những thành tựu đạt được thì tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty vẫn còn nhiều tồn tại và bất cập cần khắc phục. Cụ thể:

✚ **Thứ nhất:** Công ty vẫn chưa có phần mềm riêng của mình nên việc xử lý các số liệu và tính toán vẫn còn gặp nhiều khó khăn, tốn nhiều thời gian, nhân lực, công sức... Công việc kế toán chủ yếu được tiến hành bằng thủ công và thực hiện trên phần mềm Excel. Do vậy, các công thức tính toán khi sao chép từ sheet này sang sheet khác có thể bị sai lệch. Điều này ảnh hưởng đến độ chính xác của các Báo cáo tài chính, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

✚ **Thứ hai:** Hiện nay tại Công ty không tiến hành trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi. Đây là một bất lợi lớn vì Công ty là một doanh nghiệp thương mại với quy mô các khoản phải thu khách hàng là khá lớn, bên cạnh đó để thu hút khách hàng, Công ty có chính sách bán trả chậm nên việc gặp phải rủi ro khi không thu hồi được nợ có khả năng xảy ra rất lớn. Kế toán phải thường xuyên theo dõi một phần tài sản của công ty đang trong quá trình thanh toán, hoặc cũng có thể không thanh toán được.

✚ **Thứ ba:** Hiện nay phí chuyển tiền thanh toán tiền mua hàng Công ty hạch toán vào tài khoản 635- Chi phí tài chính. Việc hạch toán sai tài khoản tuy không ảnh hưởng đến việc tính lợi nhuận cuối kỳ kế toán của doanh nghiệp tuy nhiên, Công ty cần hạch toán đúng vào Tài khoản theo quy định của Bộ tài chính.

✚ **Thứ tư:** Hiện nay tại công ty, chi phí vận chuyển, giao hàng hóa cho khách hàng được công ty tính vào lương nhân viên vận chuyển hàng theo phương pháp trả lương khoán hàng tháng. Điều này sẽ làm cho việc phân bổ chi phí vận chuyển hàng hóa bị ảnh hưởng vì mỗi tháng, khối lượng hàng hóa tiêu

thụ cần được vận chuyển là khác nhau.

✚ **Thứ năm:** Hiện nay công ty không có chính sách ưu đãi trong kinh doanh. Đó là việc cho khách hàng hưởng các khoản chiết khấu thương mại. Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn. Thực tế cho thấy rằng các chính sách ưu đãi trong kinh doanh cũng là một trong những biện pháp kích thích được nhu cầu khách hàng, thu hút nhiều khách hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, đẩy tăng doanh số tiêu thụ và rút ngắn vòng quay của vốn, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Điều này trong nền kinh tế thị trường như hiện nay là rất cần thiết cho sự tồn tại của doanh nghiệp.

✚ **Thứ sáu:** Hiện nay, số lượng nghiệp vụ bán hàng phát sinh trong một ngày, một tháng của Công ty là rất lớn với nội dung kinh tế giống nhau nhưng Công ty lại không mở sổ Nhật ký bán hàng, Nhật ký thu tiền. Điều này làm tăng khối lượng công việc cần phải làm của kế toán bán hàng.

### **3.2. Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại Ngọc Đức**

#### ***3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại Ngọc Đức.***

Để có thể đứng vững và phát triển trong thị trường đầy biến động và cạnh tranh gay gắt như hiện nay thì bất cứ doanh nghiệp nào cũng phải có một tổ chức quản lý hợp lý, khoa học, có các chính sách phù hợp, các quyết định chính xác hợp lý...để có thể nhanh chóng nắm bắt được cơ hội, nhạy bén trong kinh doanh. Doanh nghiệp muốn duy trì tốt hoạt động của mình thì phải xác định đúng phương hướng cũng như mục tiêu để từ đó có bước phát triển mới. Để làm được điều này, cán bộ quản lý cần phải có những thông tin chính xác, kịp thời đầy đủ, mà những thông tin này được cung cấp bởi bộ phận kế toán của Công ty. Do vậy để đạt được mục tiêu của mình, trước hết Công ty cần phải hoàn thiện đổi mới không ngừng công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý trong nền kinh tế thị trường. Thông qua việc lập chứng từ, kiểm tra, tính toán, ghi chép tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng các phương pháp khoa

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

học có thể biết được những thông tin một cách chính xác, kịp thời đầy đủ về sự vận động tài sản và nguồn hình thành tài sản, góp phần bảo vệ tài sản và sử dụng hợp lý tài sản của đơn vị mình. Hơn nữa sau khi tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, bộ phận kế toán sẽ lập được báo cáo tài chính, nó sẽ cung cấp đầy đủ, chính xác, rõ ràng các thông tin cho các đối tượng quan tâm đến tình hình tài chính của Công ty như nhà đầu tư, nhà quản lý, cơ quan thuế, ngân hàng... để có những quyết định đầu tư đúng đắn trong tương lai.

Muốn vậy trước hết doanh nghiệp phải thực hiện tốt tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh. Bởi vậy hoàn thiện kế toán xác định kết quả kinh doanh là một yêu cầu cần thiết và vô cùng quan trọng đối với bất kỳ một doanh nghiệp thương mại, dịch vụ nào nhằm nâng cao hiệu quả của hệ thống kế toán nói chung và kế toán xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

### ***3.2.2. Một số ý kiến đề xuất về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Ngọc Đức.***

#### ***Đề xuất 1: Về việc ứng dụng phần mềm kế toán:***

Hiện nay công ty vẫn chưa có phần mềm kế toán nên việc xử lý các số liệu và tính toán vẫn còn gặp nhiều khó khăn, tốn nhiều thời gian, nhân lực, công sức... Tuy thực tế hiện nay công ty đã trang bị máy tính cho phòng kế toán nhưng mọi công việc vẫn phải làm thủ công trên excel. Để việc xử lý số liệu và công việc tính toán, tổng hợp dữ liệu trở lên đơn giản, nhanh gọn, thuận tiện và hiệu quả hơn Công ty nên nhanh chóng ứng dụng phần mềm kế toán vào tổ chức kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

Trên thị trường hiện nay có rất nhiều công ty cung cấp phần mềm kế toán với các phần mềm nổi tiếng như MISA, SAS INNOVA, AC SOFT, FAST ACCOUNTING... Công ty cần nghiên cứu và lựa chọn phần mềm kế toán cho phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh, với các nghiệp vụ phát sinh của đơn vị mình.

Việc ứng dụng phần mềm kế toán vào tổ chức kế toán tại công ty sẽ giúp cho các kế toán viên giảm được khối lượng công việc hàng ngày, kế toán trưởng

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

giảm được thời gian tổng hợp, đối chiếu số liệu, đặc biệt là có thể cung cấp thông tin tài chính nói chung, kết quả kinh doanh của Công ty nói riêng tại bất kỳ thời điểm nào khi nhà quản lý yêu cầu.

### ***Đề xuất 2: Về việc trích lập các khoản dự phòng:***

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng và giảm đến mức tối thiểu những tổn thất về những khoản phải thu khó đòi có thể xảy ra thì việc trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi là điều vô cùng cần thiết. Do

- Các khoản nợ của khách hàng là rất lớn nên nguy cơ giảm giá và mất khả năng thanh toán rất dễ xảy ra.

- Khách hàng của Công ty là những khách hàng thường xuyên với hình thức thanh toán trả chậm nên việc thất thu là không thể tránh khỏi.

Do vậy Công ty nên tiến hành lập khoản dự phòng phải thu khó đòi cho các hoạt động của mình.

### ***✚ Đối với dự phòng các khoản phải thu khó đòi:***

Là một doanh nghiệp thương mại, nên quy mô các khoản phải thu của khách hàng là khá lớn mà việc thanh toán của khách hàng còn chậm, thậm chí có nhiều khách hàng mất khả năng thanh toán (theo báo cáo nợ phải thu đến ngày 31/12/2011). Vì vậy việc công ty không lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi để tránh những rủi ro là một hạn chế lớn của công ty.

Để trích lập các khoản phải thu khó đòi kế toán sử dụng TK159 "Dự phòng phải thu khó đòi" và chi tiết cho từng khách hàng. Vào cuối niên độ kế toán, kế toán căn cứ vào các khoản nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được thì phải trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi:

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Phương pháp xác định mức dự phòng cần lập:

$$\begin{array}{l} \text{Số dự phòng cần lập} \\ \text{cho niên độ tới của} \\ \text{khách hàng đáng ngờ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số nợ phải thu khách} \\ \text{hàng đáng ngờ} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ ước tính không thu} \\ \text{được của khách hàng} \end{array}$$

Mức trích lập đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

Thời gian quá hạn thanh toán ( t )	Mức dự phòng cần lập
$6 \text{ tháng} \leq t < 01 \text{ năm}$	30% giá trị nợ phải thu
$01 \text{ năm} \leq t < 02 \text{ năm}$	50% giá trị nợ phải thu
$02 \text{ năm} \leq t < 03 \text{ năm}$	70% giá trị nợ phải thu
$\geq 3 \text{ năm}$	100% giá trị nợ phải thu

***Khi tiến hành trích lập các khoản dự phòng, Công ty cần chú ý:***

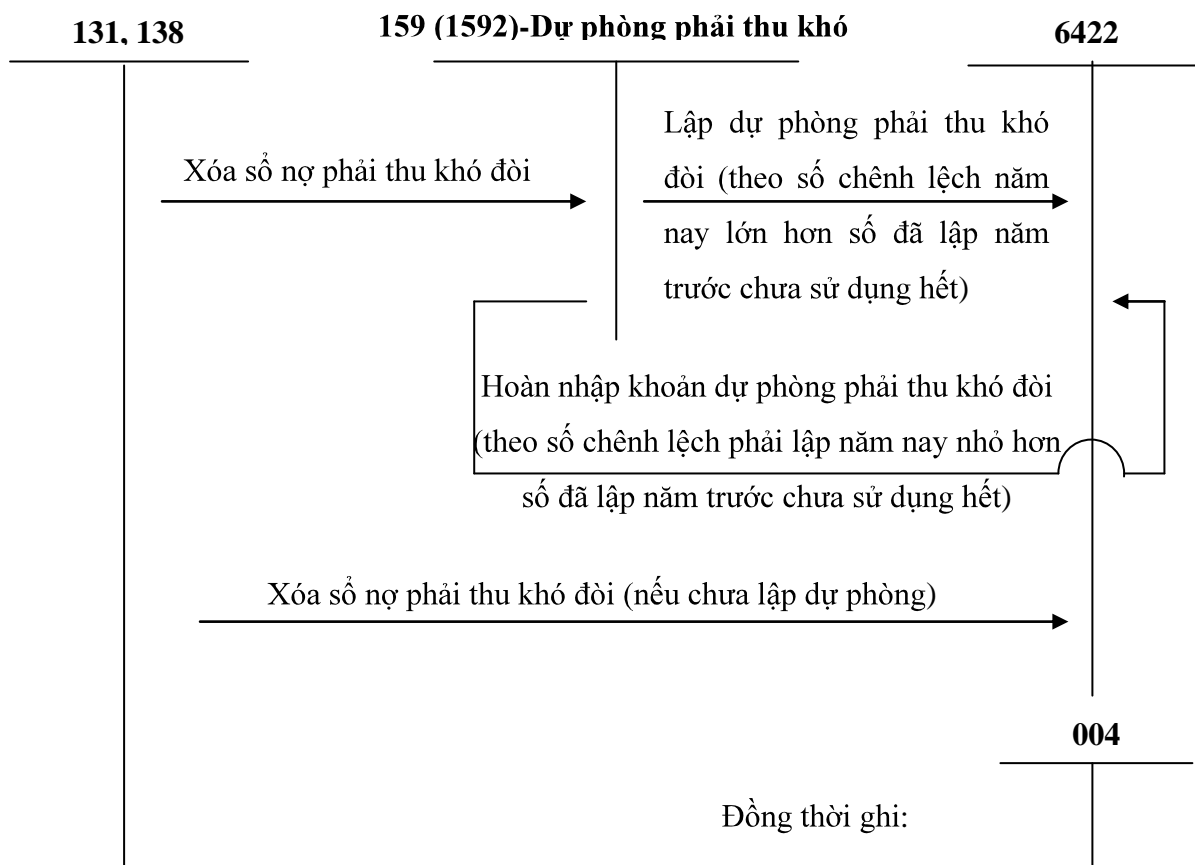
+ Dự phòng phải thu khó đòi được lập khi có căn cứ xác định các khoản nợ phải thu không chắc chắn thu được.

+ Việc lập dự phòng phải thu khó đòi phải được chi tiết cho từng khách hàng Sau khi tiến hành xong việc trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi, cuối kỳ kế toán, kế toán tiến hành tập hợp chi phí trên các TK 642 rồi sau đó kết chuyển vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh của Công ty.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Kế toán trích lập dự phòng phải thu khó đòi được thể hiện qua sơ đồ sau:

### KẾ TOÁN DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI



Sơ đồ số 3.2: Sơ đồ kế toán dự phòng phải thu khó đòi

Đối với các khoản nợ được xóa sổ thì căn cứ vào các chứng từ sau: biên bản của hội đồng xử lý nợ, bản kê chi tiết khoản nợ khó đòi, quyết định của tòa án..., quyết định của cấp có thẩm quyền về xử lý số nợ không thu hồi được.

Sau khi tiến hành xóa sổ các khoản nợ không đòi được, kế toán vẫn phải tiến hành theo dõi tối thiểu trong vòng 05 năm và vẫn phải có các biện pháp đòi nợ. Sau này nếu thu hồi được số nợ phải thu khó đòi đã xóa sổ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được và ghi nhận:

Nợ TK 111, 112 : Giá trị thực tế thu hồi được

Có TK 711 : Thu nhập khác

Đồng thời tiến hành ghi đơn:

Có TK 004 : Nợ khó đòi đã xử lý

Cụ thể đối với Công ty TNHH TM Ngọc Đức, căn cứ vào “Báo cáo tình hình công nợ” tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kế toán có thể tiến hành trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi.



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NGỌC ĐỨC

63 Hàng Kênh Lê Chân Hải Phòng

**Biểu 3.1**

### BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ ĐẾN HẾT 31/12/2011

*Đơn vị tính: VND*

STT	TÊN KHÁCH HÀNG	Mã số thuế	Công nợ đến ngày 31/12/2011		Ghi chú
			Dư nợ cuối kỳ	Dư có cuối kỳ	
1	Cty TNHH thời đại ACS	0200581866	15.065.500		Phát sinh ngày 18/02/2011, quá hạn thanh toán 06 tháng
2	Cty TNHH Manulife VN	0200738556	25.850.360		Đang chờ giấy báo có của Ngân hàng
3	Cty TNHH Aroma Bay Candie	0200621371		5.700.000	Khách hàng đặt tiền trước
4	Cty TNHH TM Đặng Anh	0200557327	25.600.500		Phát sinh ngày 15/02/2011, quá hạn thanh toán 04 tháng
5	Cty TNHH in và quảng cáo Trần Bạch	0200617713		2.600.000	Khách hàng đặt tiền trước
6	Cty TNHH TM An Thủy	0200138742	10.500.000		Phát sinh ngày 08/09/2010, hạn thanh toán 08/10/2011, quá hạn 1 năm 1 tháng
7	Cty TNHH kiểm toán An Phát	0200459506		3.000.000	Khách hàng đặt tiền trước
8	Khách lẻ			8.800.000	Khách hàng đặt tiền trước
<b>Tổng cộng</b>			<b>77.016.360</b>	<b>20.100.000</b>	

**Kế toán trưởng**

**Kế toán viên**

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### *Tính số dự phòng phải thu khó đòi năm 2011:*

Số dự phòng phải thu khó đòi = ( 15.065.500 + 25.600.500 ) x 30% +  
10.500.000 x 50% = 17. 449.800 (đồng)

**Biểu 3.2**

### CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NGỌC ĐỨC

#### PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số:

*Đơn vị tính: VND*

<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>TK Nợ</i>	<i>TK Có</i>	<i>Số tiền</i>
1	Dự phòng phải thu khó đòi 159	642	159	17.449.800
	<b><i>Tổng</i></b>			<b>17.449.800</b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*

***Người lập phiếu***

*(Ký, họ tên)*

### ***Đề xuất 3: Về việc hạch toán phí thanh toán qua Ngân hàng***

Hiện nay, phí chuyển tiền thanh toán tiền mua hàng Công ty nên hạch toán vào tài khoản chi tiết 642- Chi phí quản lý kinh doanh theo đúng quy định của Bộ tài chính thay vì hạch toán vào tài khoản 635 - Chi phí tài chính.

#### *Quay lại ví dụ minh họa 3:*

Ngày 21/10/2011 trả tiền mua giấy in Công ty TNHH Kim Khánh 120.000.000 đồng, phí chuyển tiền 60.000 đồng, chưa VAT 10%.

Công ty vào sổ Nhật ký chung và Sổ cái theo ghi nhận sau:

Nợ TK 331                   : 120.000.000

Nợ TK 642                   : 60.000

Nợ TK 133                   : 6.000

Có TK 112                   : 120.066.000

Cuối tháng, tập hợp toàn bộ chi phí vào TK 642 để kết chuyển sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**CÔNG TY TNHH TM NGỌC ĐỨC**  
**63 Hàng Kênh Lê Chân Hải Phòng**

**Biểu 3.3**  
**Mẫu số S03a\_DNN**  
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)*

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số tiền	
	Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
			<b>Cộng chuyển trang trước</b>			
...	.....	....	.....	.....	.....	.....
21/10	21/10	UNC123	Phí chuyển tiền trả tiền hàng TNHH Kim Khánh	642	60.000	
				133	6.000	
				112		66.000
...	.....	....	.....	.....	.....	.....
31/10	31/10	PC77/10	Chi tiền điện thoại văn phòng	642	1.150.560	
				133	115.056	
				111		1.265.616
31/10	31/10	BTLL T10	Tiền lương trả cán bộ công nhân viên	642	56.071.259	
				334		56.071.259
31/10	31/10	BTLL T10	Trích các khoản theo lương	642	10.908.379	
				334	4.214.600	
				338		15.122.979
31/10	31/10	PC89/10	Trả lương nhân viên	334	51.856.659	
				111		51.856.659
31/10	31/10	KHTS/10	Tính khấu hao TSCĐ Tháng 10	642	8.660.534	
				214		8.660.534
...	....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12	31/12	PKT ...	<b>Dự phòng phải thu khó đòi</b>	642	17.499.800	
				159		17.499.800
...	....	.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Cộng chuyển trang sau</b>			

*Người ghi sổ*  
*(Ký, họ tên)*

*Kế toán trưởng*  
*(Ký, họ tên)*

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*  
*Giám đốc*  
*(Ký, họ tên)*

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu 3.4**

**CÔNG TY TNHH TM NGỌC ĐỨC**  
63 Hàng Kênh Lê Chân Hải Phòng

**Mẫu số S03b-DNN**  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

## **SỔ CÁI**

Số hiệu TK: 642

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh  
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Dư đầu năm			
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
21/10	UNC123	21/10	Phí chuyển tiền trả tiền hàng TNHH Kim Khánh	112	60.000	
.....	.....		.....	.....	.....	.....
31/10	BTLL T10	31/10	Tiền lương trả cán bộ công nhân viên	334	56.071.259	
31/10	BTLL T10	31/10	Trích các khoản theo lương	338	10.908.379	
31/10	KHTS/10	31/10	Tính khấu hao TSCĐ Tháng 10	214	8.660.534	
31/10	PKT ...	31/10	Dự phòng phải thu khó đòi	159	17.499.800	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			Cộng SPS			
			Số dư cuối năm			

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Giám đốc

(Ký, họ tên)



## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

**Chiết khấu thương mại:** Là khoản tiền chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá niêm yết doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua bán hàng.

Để hạch toán chiết khấu thương mại, công ty sử dụng TK5211 - *chiết khấu thương mại*.

### ***Chiết khấu thương mại do công ty xây dựng phải dựa trên:***

- Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của doanh nghiệp cùng ngành.

- Chính sách chiết khấu thương mại được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp.

### ***Quy định khi hạch toán chiết khấu thương mại***

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng lần cuối cùng.

- Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua. Khoản chiết khấu thương mại này được hạch toán vào TK 5211

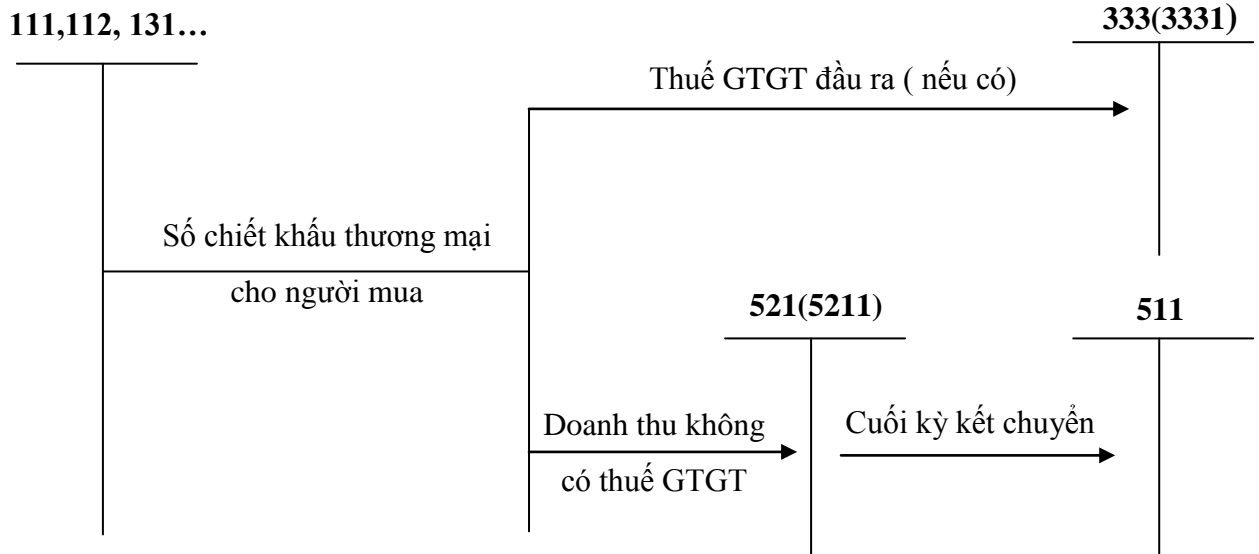
- Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản tiền chiết khấu này không được hạch toán vào TK 5211.

Với việc áp dụng chính sách chiết khấu thương mại trong tiêu thụ hàng hóa này, không những công ty có thể giữ được những khách hàng truyền thống mà còn có thể tăng lượng khách hàng mới trong tương lai vì có sự ưu đãi của công ty trong việc bán hàng, giúp thúc đẩy quá trình tiêu thụ, tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

*Phương pháp hạch toán:*

### KẾ TOÁN CHIẾT KHẤU THƯƠNG MẠI



*Sơ đồ số 3.3: Sơ đồ kế toán chiết khấu thương mại*

Vì không có văn bản quy định cụ thể về mức chiết khấu thương mại và do kinh nghiệm còn hạn chế nên sau khi tham khảo mức chiết khấu thương mại của doanh nghiệp cùng ngành, có quy mô tương tự, bài viết xin đưa ra mức chiết khấu của sản phẩm Giấy in các loại tại Công ty TNHH TM Ngọc Đức.

Với tổng hóa đơn cung cấp dịch vụ trong tháng của một khách hàng đạt được

- Đối với sản phẩm giấy in các loại
  - ✓ Từ 50 hộp - 100 hộp /1 tháng : chiết khấu 0.5%
  - ✓ Từ 100 hộp- 200 hộp/ tháng: chiết khấu 2%
  - ✓ Từ 200 hộp trở lên/ 1 tháng: chiết khấu 5%

#### **Ví dụ:**

Giả sử công ty áp dụng mức chiết khấu như trên trong tháng 10 năm 2011. Theo đó, vào ngày 31/10/2011 kế toán dựa trên bảng kê hóa đơn chứng từ cung cấp dịch vụ theo khách hàng làm căn cứ chi chiết khấu thương mại cho khách hàng. Dựa trên bảng kê hóa đơn chứng từ cung cấp dịch vụ theo khách hàng công ty sẽ cho Cty TNHH Aroma Bay Candie hưởng chiết khấu thương mại 2% trên tổng giá thanh toán.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NGỌC ĐỨC

Biểu 3.5

### BẢNG KÊ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ CUNG CẤP DỊCH VỤ THEO KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính : VND

Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/10/2011

Chứng từ		Diễn giải	Số lượng	Giá bán	Thành tiền
Ngày tháng	Số hiệu				
<b>Công ty sẽ cho Cty TNHH Aroma Bay Candie</b>					
05/10	HĐGTGT 0079516	Xuất bán giấy in plus A4	20	56.500	1.130.000
15/10	HĐGTGT 0079536	Xuất bán giấy in Bãi Bằng A3	10	95.500	955.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....
25/10	HĐGTGT 0079567	Xuất bán Giấy in Plus A4	15	56.500	847.500
29/10	HĐGTGT 079585	Xuất bán giấy in Plus A3	10	116.000	1.160.0000
		<b>Cộng</b>	<b>152</b>		<b>18.675.600</b>

Số tiền chiết khấu thương mại mà công ty TNHH Aroma Bay Candie được hưởng là:

Số tiền CK = 2% x (18.675.600 x 1.1) = 2% x 20.543.160 = 410.863( đồng)



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu 3.6**

**CÔNG TY TNHH TM NGỌC ĐỨC**  
**63 Hàng Kênh Lê Chân Hải Phòng**

**Mẫu số S03a\_DNN**  
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng*

## **SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

**Năm 2011**

*Đơn vị tính: VND*

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số tiền	
	Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
			<b>Cộng chuyển trang trước</b>			
...	.....	....	.....	.....	.....	.....
30/10	30/10	PT 39	Thu tiền hàng của công ty TNHH Minh Đăng	111 131	7.200.000	7.200.000
31/10	31/10	PKT ...	<b>Chiết khấu thương mại cho công ty TNHH Aroma Bay Candie</b>	521	<b>373.512</b>	
				3331	<b>37.351</b>	
				131		<b>410.863</b>
31/10	31/10	HĐ GTGT 0079763	Bán giấy in cho c.ty thép Việt Úc	111	1.553.750	
				5111		1.412.500
				3331		141.250
31/10	31/10	PXK80/10	Xuất bán hàng cho Việt Úc	632	1.307.500	
				156		1.307.500
...	....	.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Cộng chuyển trang sau</b>			

**Người ghi sổ**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*

**Giám đốc**

*(Ký, họ tên)*

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu 3.7**

**CÔNG TY TNHH TM NGỌC ĐỨC**  
**63 Hàng Kênh Lê Chân Hải Phòng**

**Mẫu số S03b\_DNN**  
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)*

## **SỔ CÁI**

**Số hiệu TK: 521**

**Tên tài khoản: Các khoản giảm trừ doanh thu**  
**Năm 2011**

*Đơn vị tính: VND*

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>31/10</b>	<b>PKT...</b>	<b>31/10</b>	<b>Chiết khấu thương mại cho công ty TNHH Aroma Bay Candie</b>	131	<b>373.512</b>	
31/10	PKT...	31/10	Kết chuyển chiết khấu thương mại T10	511		373.512
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Cộng PS</b>			
			<b>Số dư cuối năm</b>			

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*

**Kế toán**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Giám đốc**

*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*

### ***Đề xuất 6: Về việc lập Nhật ký bán hàng, Nhật ký thu tiền***

Vì là một công ty thương mại nên hàng ngày các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền mặt tại công ty tương đối lớn, hoạt động nhập xuất hàng hóa cũng diễn ra thường xuyên, việc công ty không sử dụng một số sổ Nhật ký đặc biệt sẽ làm cho doanh nghiệp khó có thể theo dõi lượng tiền và hàng hóa vào, ra trong ngày cũng như nguồn vốn, tài sản của công ty.

Vì vậy công ty nên mở các sổ Nhật ký đặc biệt như sổ Nhật ký thu tiền và Nhật ký chi tiền, Nhật ký mua hàng, Nhật ký bán hàng. Công ty đặc biệt chú trọng việc mở Sổ Nhật ký bán hàng, Nhật ký thu tiền để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến bán hàng. Cuối tháng, căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký đặc biệt để vào Sổ cái các tài khoản có liên quan.

#### ***Ví dụ:***

- Ngày 27/10, xuất bán giấy in Plus A4 cho cửa hàng sách Minh Tân, đã thu bằng tiền mặt số tiền 847.500 đồng (chưa VAT 10%).
- Ngày 27/10, xuất bán giấy in Bãi Bằng cho anh Tuấn thu bằng tiền mặt, số tiền 960.000 đồng (chưa VAT 10%).
- Ngày 28/10, xuất bán giấy in Plus A4 cho Công ty cổ phần Đinh Anh 5.650.000 đồng (chưa VAT 10%). Đinh Anh chưa thanh toán.
- Ngày 28/10, xuất bán mực ricoh cho công ty Lan Anh 1.560.000 đồng (chưa VAT 10%). Công ty Lan Anh chưa thanh toán.
- Ngày 31/10, xuất bán máy đóng sách cho cửa hàng photo Kim Khánh, đã thu bằng tiền mặt, số tiền 1.256.800 đồng (chưa bao gồm VAT 10%)
- Ngày 31/10/2011, bán giấy in Plus A4 cho công ty thép Việt Úc SSE với số tiền 1.412.500 đồng chưa bao gồm thuế GTGT 10%. công ty thép Việt Úc đã thanh toán bằng tiền mặt.

Công ty có thể mở Sổ Nhật ký bán hàng, Nhật ký thu tiền theo mẫu như sau:

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**CÔNG TY TNHH TM NGỌC ĐỨC**  
**63 Hàng Kênh Lê Chân Hải Phòng**

**Biểu 3.8**

**Mẫu số: S03a4 – DNN**  
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ NHẬT KÝ BÁN HÀNG Năm 2011

*Đơn vị tính: VND*

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Phải thu từ người mua (ghi Nợ)	Ghi Có tài khoản DT		
	Số hiệu	Ngày tháng			Hàng hoá	Thành phẩm	Dịch vụ
A	B	C	D	1	2	3	4
			<b>Số trang trước chuyển sang</b>				
28/10	0079755	28/10	Bán giấy in Plus A4 cho công ty Cổ phần Đình Anh	5.650.000	5.650.000		
28/10	0079756	28/10	Bán mực Ricoh cho công ty Lan Anh	1.560.000	1.560.000		
...	...	...	.....	...	...	...	...
			<b>Cộng chuyển sang trang sau</b>				

*Ngày .... tháng .... năm.....*

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu 3.9**

**CÔNG TY TNHH TM NGỌC ĐỨC**  
63 Hàng Kênh Lê Chân Hải Phòng

**Mẫu số: S03a1 – DNN**  
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ NHẬT KÝ THU TIỀN

**Năm: 2011**

*Đơn vị tính: VND*

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK 111	Ghi có các TK			
	Số hiệu	Ngày tháng			TK 511	TK 3331	Tài khoản khác	
							Số tiền	Số hiệu
A	B	C	D	1	2	3	4	E
			<b>Số trang trước chuyển sang</b>					
...	...	...	.....	...	...	...		
27/10	PT 064/10	27/10	Bán giấy in Plus A4 cho Minh Tân	932.250	847.500	84.750		
27/10	PT 065/10	27/10	Bán giấy in Bãi Bằng A3 cho khách	1.056.000	960.000	96.000		
31/10	PT088/10	31/10	Bán máy đóng sách cho Kim Khánh	1.382.480	1.256.800	125.680		
31/10	PT089/10	31/10	Bán giấy in Plus A4 cho Việt Úc	1.553.750	1.412.500	141.250		
			<b>Cộng chuyển sang trang sau</b>					

*Ngày 31.tháng 12 năm 2011*

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## KẾT LUẬN

Trên đây là toàn bộ nội dung của khóa luận tốt nghiệp với đề tài “ Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Ngọc Đức”.

Qua thời gian nghiên cứu lý luận và tìm hiểu thực tiễn công tác kế toán tại công ty, em thấy công tác kế toán nói chung cũng như kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng là một công cụ quan trọng trong quá trình quản lý doanh nghiệp. Nó cung cấp số liệu về kế toán kịp thời cho việc phân tích tình hình sản xuất, tiêu thụ và thanh toán công nợ..., phản ánh một cách đầy đủ kết quả cuối cùng của quá trình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Xuất phát từ tầm quan trọng đó, Công ty TNHH thương mại Ngọc Đức đã rất coi trọng công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Nhờ đó công ty không ngừng phát triển và có những thành tích đáng khen ngợi.

Trong quá trình thực tập tại Công ty, do thời gian có hạn nên em chỉ đi vào những vấn đề cơ bản và chủ yếu. Trên cơ sở những ưu điểm và những tồn tại của Công ty, em xin phép đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty.

Do kiến thức bản thân còn hạn chế nên bài khóa luận không thể tránh khỏi những sai sót. Vì vậy, em kính mong nhận được sự giúp đỡ của các thầy cô và ban lãnh đạo công ty cùng các anh chị phòng kế toán của Công ty để bài khóa luận này được hoàn thiện.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn góp ý tận tình của các thầy cô giáo, đặc biệt sự hướng dẫn của cô giáo – Th.sỹ Nguyễn Thị Thúy Hồng cùng sự giúp đỡ của Ban lãnh đạo Công ty, sự chỉ bảo hướng dẫn nhiệt tình của các anh chị phòng kế toán Công ty TNHH thương mại Ngọc Đức đã giúp đỡ em trong quá trình thực tập và hoàn thiện khóa luận.

Hải Phòng, ngày 25 tháng 6 năm 2011

*Sinh viên*

*Phạm Thị Khánh Linh*

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**  
**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

---

- 1, Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính\_Nhà xuất bản Thống kê năm 2009;
- 2, Chuẩn mực kế toán số 14;
- 3, Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009;
- 4, Tài liệu và các chứng từ, sổ sách kế toán năm 2011 của công ty TNHH Thương mại Ngọc Đức;
- 5, Khóa luận các khóa 10, 11 tại thư viện trường;